

NĂM THỨ V  
Số 1

RESEARCH COLLECTIONS  
INSTITUTE OF ADVANCED PROJECTS  
EAST-WEST CENTER 316/63 1962-63 THÁNG 2 1962

# ĐẠI HỌC

## CHUNG QUANH HỌC THUYẾT MARX.

Vong thân. Ý niệm căn bản trong nhân sinh quan của Marx  
Học thuyết Marx và vấn đề luân lý  
Ý thức Cộng sản  
Từ quyền cai trị người đến sự quản trị tài vật

TRẦN VĂN TOÀN  
THÂN VĂN TƯỜNG  
TRẦN VĂN TOÀN  
PHAN VĂN THIẾT

Hoài niệm của hiện tại và hiện tượng nhận sai  
Đọc lại tập thơ Gitanjali của Rabindranath Tagore  
Thành trì chí của Trịnh Hoài Đức  
Ngữ pháp là gì?  
Một vấn đề công lý

BERGSON  
CAO VĂN LUẬN dịch  
LÝ CHÁNH TRUNG  
TRẦN KINH HOA  
TRƯƠNG VĂN CHỈNH  
NGUYỄN HIỂN LÊ  
PHAN VĂN THIẾT

Asia  
B  
128  
.C15  
D63

VIỆN ĐẠI HỌC HUẾ  
Chủ trương và tập: TRẦN VĂN TOÀN

# Thành-Trì-Chí của Trịnh-Hoài-Đức

TRẦN-KINH-HÒA

(tiếp theo các kỳ trước)

## TRẦN BIÊN-HÒA

Ly-sở trần Biên-hòa trước đặt tại làng Phước-lô, huyện Chánh-phước, chỗ đất hơi thấp ướt, thường bị nước ngập. Gia-long năm thứ 15 (1816), dời về đóng tại gò đất cao làng Tân-hương, vạch định khu-thành ngang dọc đều 200 tấm, trong chia đường như hình chữ « tỉnh » (夂), giữa dựng nhà vọng-cung, tả hữu cất lầu chuông, lầu trống, trung-chính phía sau dựng làm 3 sở công-dinh, bề rộng 80 tấm chia 3, chỉ dinh giữa rộng hơn dinh hai bên 5 tấm; dài 60 tấm, 2 đường tả hữu đều 7 tấm; chung quanh xây tường gạch, sau làm nhà kho chứa đó 31 gian, lợp ngói xây gạch rất kiên cố; tả hữu dựng nhà Thằng-ty và trại lính, khu hoạch rất tế chỉnh. (28)

Lũy Tân-hoa. — Tại thôn Tân-hoa, tổng Chánh-mỹ, năm tân-mão (1771), trần Hà-tiên thất thủ, Đốc-chiến Nguyễn-Đàm đắp lũy này để ngăn đường quân mán Bàng-Bột, nay nền cũ đương còn. (29)

Lũy Trúc-giang. — Tại thượng-lưu Trúc-giang tổng Chánh-mỹ; lúc đầu mới khai thác bờ cõi, đắp lũy này để ngăn quân mọi, nay nền cũ đương còn. (30)

Lũy tre Đông-giang. — Tại phía nam Trúc-giang tổng Chánh-mỹ; cách phía tây-nam trần-thành 50 dặm rưỡi; cuối Sòc-giang, nằm về phía nam 4 dặm rưỡi; ấy là những rặng tre gai ngay trước trồng để ngăn quân mọi, thành từng hàng rào; tre cây trồng giăng dài 10 dặm, đên nay vẫn còn tươi tốt.

Lũy Phúc-tứ. — Tại phía đông trạm Hương-phúc, giăng ngang đường quan. Trước đây, Cao-miên Chánh-vương Sô đồng tại thành Vững-Long,

Phó-vương Nộn đồng tại thành Sài-gòn; con trưởng vua Sô là Bô-tâm giận vì không được truyền ngôi, bèn giết cha là Sô mà tự-lập; sợ Phó-vương Nộn không phục mà thượng cáo với Triều-dinh, gia-binh phạt tội, Bô-tâm bèn đắp đồn Khu-bích Nam-vang, kết bè nổi, đóng khóa sắt để tự vệ, và xin Triêm-la viện binh, tính đánh úp giết vua Nộn. Nộn vì tình thế nguy cấp, chạy xuống nương nhờ dinh Thái-Khương; Bô-tâm bèn tiến cứ thành Sài-gòn và có binh Triêm-la đến viện trợ. Bô-tâm lại khởi đắp một lũy đất ở địa đầu Mỗ-Xui, ngoài trồng tre gai, trong đặt quân đội phòng thủ, thế rất kiên cố. Trải qua hơn một năm mà binh Nam-triều chẳng hề tỏ dấu hành động gì cả, chúng bèn giải đãi việc phòng bị, binh lính tứ tán đi làm ruộng rẫy; lúc ấy là tháng giêng, Thái-tôn giáp-dần năm thứ 27 (1674), Trần-thủ dinh Thái-khương Nguyễn-triều-Đặc đem tinh hình tâu lên; tháng 2, vua khiến Thái-khương dinh-tướng Nguyễn-Dương ra quân, gia phong cho Nguyễn-Diên làm Cai-cơ Thông-lãnh Tiên-phong. Quan-quân bội-đạo đi một cách rất thần tốc; tháng 3, Diên-lộc-hầu đến Mỗ-Xui trước, thừa lúc quân địch không đề phòng, ruổi vào chiếm đồn, binh khí chẳng hề dây máu. Qua 3 ngày, quân địch bôn mặt kéo về, vây đồn rất gât; Diên-lộc-hầu đồng cửa kiên thủ không giao chiến, đên lúc đại binh Dương-lâm-hầu kéo đến; trong ngoài hiệp sức đánh đồn, binh Cao-miên tan rã, tử thương rất đông; nhơn đặt tên lũy này làm Phúc-tứ-lũy, đại binh tiến hạ thành Sài-gòn. Tháng 4, chia binh làm 2 đường thủy bộ, tiến phá 2 đồn Khu-bích, Nam-vang, thiêu hủy hết các bè nổi, khóa sắt. Oai danh Diên-lộc-hầu, người Cao-miên nghe là khiếp vía. Bô-tâm trốn vào rừng sâu, bị phe đảng bên vợ bọn Đổ-Bà giết chết. Con thứ hai của Sô-vương là Thu ra hàng, Cao-miên từ ấy được bình định. Diên-lộc-hầu vì trèo non vượt suối khó nhọc, nên bị đau nặng rồi qua đời. Công-việc tâu về Triều-dinh, vua xuống sắc phong Thu làm chánh-vương, Nộn vẫn làm Phó-vương như cũ, tặng Diên-lộc-hầu hàm Chương-cơ, cho thụ-hiệu Trung-võ, lập nhà thờ phụng tự, mọi lúc kỳ đảo đều linh ứng; người Cao-miên đi qua nhà thờ, cúi đầu chạy mau, không dám ngoảnh vào trong lũy. Trải đời noi theo, lũy Mỗ-Xui làm nơi đóng đồn trọng yếu. Nay giặc cướp dẹp yên, thái bình vô sự, tuy đồn lũy đã trở nên vườn ruộng, mà bờ tre dầu cũ, vẫn còn tốt tươi, người sau còn nhận thầy di-tích vậy. (31)

Đồn Đông-môn. — Cách phía đông trần 63 dặm, Trung-hung năm mậu-ngọ, phụng mạng đắp đồn ấy ở phía bắc đường cái-quan, với một

đồn khác ở phía tây-nam, giăng treo nhau như thế « nanh chó », để ngăn chông quân Tây-sơn; chu vi trống tre rất tươi tốt rậm-rạp. Gia-long năm thứ 10 (1811), tại các lũy Trảo-Trảo, Đống-môn, tre đều ra trái rồi chết rụi, nay mới sinh trở lại. (Theo sách Hoa-cảnh bảo rằng: « Tre 60 năm một lần thay rễ, thì kết trái rồi chết khô; kẻ đó hạt rụng xuống đất mọc lại, 60 năm bèn thành bờ vậy ». Nau so sò năm tuy chưa đúng, nhưng xem sự tre rụi thì cũng khá nghiệm). (32)

**Lũy Trảo-trảo.** — Cách phía đông tràn 80 dặm rưỡi. Năm canh-tuất (1790), buổi đầu Trung-hưng, sửa sang nội-trị, xây thành lũy, đóng thuyền bè, trên đường quan nơi nào hiểm yếu, đều xây đồn chông giữ, cho nên đắp lũy đất nẩy bên sông, dài ước 3 dặm, chắn ngang đường quan, nay dấu cũ vẫn còn vậy.

**Lũy Ký-giang.** — Cách phía đông tràn thành 90 dặm rưỡi. Duệ-tông Đinh-dậu năm thứ 13 (1777), tháng giêng, trình báo có quân Tây-sơn vào đánh, Tôn-thất-Xuân Quận-công tiền đồn Môi-Xui, Chương-cơ Cai-Trường-đà Nguyễn-đại-Lữ đồn Nữ-tăng-sơn, Tiệt-chê Nguyễn-phúc-Tuần đồn Ký-giang, Chương-cơ Tống-phúc-Hữu đồn Đống-môn, giữ thế giăng đỡ nhau. Tháng ba, Mục-vương lưu Hòa-nghĩa-đạo Lý-Tướng-quân trần thủ đồn Phiên-trần, xa-giá ngự vào Trần-biên-dinh để điều-khiển quân-vụ. Ngày 16, quân Nguyễn-văn-Huệ do đường thượng vây hãm hai đồn Ký-giang, Nữ-tăng; Phúc-Tuần, Đại-Lữ tứ trận, các đồn đều tan chạy. Tây-sơn thừa thắng do Bền-Thần xuống Phiên-trần, Gai-định bèn thất thủ (33). Trung-hưng năm nhâm-tý (1792), phụng mạng sửa đắp lũy nẩy tại bờ phía tây Ký-giang, chắn ngang đường cái, dài 12 dặm rưỡi; sông nẩy chảy ra phía bắc, đê phía nam Khe-lớn, quanh lại hợp với sông Đão-thủy (sông nước chảy ngược), lầy Trường-giang làm thành, chiếm cứ địa thế hiểm yếu.

**Huyện Phước-chánh.** — Ly-sở đóng tại thôn Tân-hòa, chợ Sứ-lộ (Đường-quan)), tổng Chánh-mỹ, khuy-chê cũng giống trấn Phiên-an.

**Huyện Bình-an.** — Ly-sở đóng tại thôn Phú-lợi, tổng Bình-chánh, khuy-chê cũng như huyện trên.

**Huyện Long-thành.** — Ly-sở đóng tại ấp Phước-lộc, tổng Thành-tuy, khuy-chê cũng như huyện trên (34-35).

**Huyện Phước-an (Xung-bi-nan).** — Ly-sở đóng tại thôn Long-diễn tổng An-phú, khuy-chê cũng như huyện trên.

**Dục-trọng-trị (tục gọi Bàu-thành)** — Tại phía bắc lũy Phước-tử, thuộc tổng Phước-hưng, huyện An-phước; xưa là đồn binh của Bộ Tâm người Cao-miền, làm nơi tắm voi chung quanh có đường đê bằng đất, nay dấu cũ đương còn.

**Xưởng thuyền.** — Xưa dựng ở bờ phía nam Phước-giang, trên một khoảng đất rộng gần sông, có đội lính Kiên-thủy đóng đồn phòng giữ; sau trải qua loạn lạc, xưởng bỏ không dùng; nay lập xưởng mới tại nơi trấn-thự cũ ở thôn Phước-lộ (36).

**Văn-miêu.** — Tại địa-phận hai thôn Bình-thành, Tân-lại thuộc huyện Phước-chánh, cách phía tây Trần-thành hai dặm rưỡi. Hiến Tông ất-mùi năm thứ 25 (1715- Lê Dũ Tôn Vinh-thạnh năm thứ 11, Đại-Thanh Khang-hy năm thứ 54), Trần-biên-dinh Trần-thủ Nguyễn phan Long, Ký-lục Phạm khánh Đức bắt đầu chọn đất, dựng miếu nầy, phía nam ngó ra sông lớn, phía bắc tựa Long-sơn; thủy tú sơn thanh, cây cỏ tươi tốt. Trung-hưng năm mậu-dần (1794), Lê bộ Nguyễn Hồng-Đô phụng mạng trùng tu lại; giữa làm Đại-thành-diện, phía đông làm Thần-khò, phía tây có Thánh từ, mặt tiền xây thành ngang, phía tả trở cửa Kim-thanh, phía hữu cửa Ngọc-chân; chính giữa sân trước dựng Khuê-văn các, treo chuông trồng ở trên; tả Sùng-văn-đường, hữu Lệ-lê-đường; tứ vi xây thành vuông, trước làm Văn miếu-môn, tả hữu Nhị-nghi-môn. Cột kèo chạm trổ, thế chẻ rất tinh xảo; đồ thờ, thần vị, coi hộp, ve chén, mâm xôi, quả bóng, mọi món đều chỉnh khiết. Trong thành trăm hoa tươi tốt, trồng đủ các thứ cây như tùng, thông, cam, quít, kim-mộc-bút, ba-la-mật (mit), chuỗi hương, măng-cầu-xiêm v.v... cảnh lá xum xuê im mát. Thường năm xuân thu hai lễ tế « đình », quan Tổng-trần làm Khâm-mạng thay phiên chủ tế, Trần-quan và quan Đốc-học đứng phân hiến (đứng bồi bái hai bên), còn các quan viên khác đều theo bồi tế. Lệ-định đặt lễ sinh 50 người, miếu-phu 50 người, đều lo giữ gìn phần việc.

**Miêu Hội-đông.** — Nguyên trước dựng tại góc tây-bắc tràn thành, Gia-long năm thứ 18 (1819), mùa hạ, dời qua dựng tại phía tây-nam trước thành; miếu mạo nguy nga, đồ thờ phượng chỉnh khiết, mỗi năm Xuân thu hai lễ tế, có ghi trong điển-lễ tế tự.

Đền thờ Lê-công.— Ở phía nam Cù-lao Phò, thờ Khâm-sai Thông-suất Chương-cơ Lê-thành-hầu, Nguyễn-phước Lê (37); miếu vũ oai-nghiêm, day mặt ra sông Phước-giang, lấy đá hàn lớn làm thủy-thành; dưới sông thường có cá gáy lớn vây vùng gần sông; những lúc trời mưa gió, đá reo sóng vỗ, cuộn cuộn ba đào, như oai linh lâm liệt còn phượng phật đầu đây, khiến người phải đem lòng kính sợ. Trãi qua loạn Tây-sơn, khói hương lạnh lẽo, Trần-sĩ Lâm-Tần qua đó, như cảm khái để một bài thơ rằng :

*Bạch thảo thê thê cổ tái trần,  
Hoang-thành di kiến dạ hoa tân.  
Thiên tương sự nghiệp quy tiên-đại,  
Địa dĩ sơn hà chúc hậu-nhân.  
Phong vũ vị khôì chính chiến cốt,  
Tứ tôn trường thác loạn ly thân.  
Bình sinh nhất trích tâm thường lệ,  
Bất khóc trung-thần, khóc loạn thân.*

Diễn nôm :

*Dấu dấu ngọn cỏ chôn biên quan  
Hoa nội thành hoang luống thờ than.  
Đời trước trời cho nên sự nghiệp,  
Người sau đất để mở giang san.  
Gió mưa vùi lấp xương chính chiến,  
Con cháu bơ vơ cảnh phá tàn.  
Giọt lệ vì ai rơi lã chã,  
Tôi trung chẳng khóc, khóc tôi loàn.*

Quan-đền-miếu.— Ở phía nam Cù-lao Phò, phía đông ba đường cái lớn, day mặt ngó ra Phước-giang. Đền miếu rộng rãi nguy nga, Thần-tượng cao hơn một trượng. Sau có Quán-âm-quán ngoài bao tường gạch, bốn góc có bốn con thạch-kỳ-lân; cùng với Hội-quán Phước-châu ở đầu phía tây đường, Hội-quán Quảng-đông ở đầu phía đông, làm ba nhà thờ lớn trong thành-phố. Trãi qua loạn Tây-sơn, như dân ly tán, ba nhà thờ ấy bị hoang phế, chỉ có miếu Ông là miếu thờ công cộng của bản-phò, nên đền này vẫn còn. Thờ tổ ký-mùi năm thứ 22 (1799), mùa thu, Trần-biên bị

lụt lớn, tượng Ông bị ngâm nước mục nát, và cột kèo trong miếu cũng bị lâu ngày hư tệt rất nhiều. Gia-long đình sáu năm thứ 16 (1817), dân làng họp bàn muốn trùng-tu lại mà không đủ sức, cây « Tôi » đứng ra chủ trương, vì cụ-quán của tôi cũng ở nơi này vậy. Ban đầu tôi cũng miễn cưỡng chịu lời cho vui lòng mọi người, nhưng trong thâm-tâm còn chưa quá quyết; đến lúc triệt hạ lễ rường (đòn giông) chính giữa, thầy có đóng phụ một tấm ván, tuy đã bị mối ăn, nhưng chữ khắc đương còn, chỉ vì khói nhang mờ hóng xông đen mà thôi. Khiến người đem rửa qua tấm ván rồi nhìn kỹ lại thì nước sơn rất chắc, nét chữ còn rõ ràng, trước liệt tên 8 người Hội-chủ, trong ấy có tên họ Hiền-tổ (ông nội) của tôi, còn tên nhiều người, nhưng không nhìn biết người nào, sau khắc mây chữ: « tuê thứ giáp tý, Chính-hòa ngũ niên (1684), tứ nguyệt cát nhật ». Lại có một tấm ván đóng ở rường phía tả, khắc tên Hội chủ 11 người, trong ấy có tên họ Hiền-khảo (Cha) tôi, sau khắc: « Tuê thứ Quý hội, Cảnh hưng tứ niên (1743), trọng xuân cát nhật ». Tôi bàng hoàng rất lâu, công chúng giành xem hai tấm ván; vì cũng đã mục nát, nên vào miếu khăn vải rồi đem đốt. Tôi nghĩ: Thần miếu vẫn có túc-duyên với ba đời nhà tôi, nay tôi sao dám từ chối, không hoàn thành thiện-nguyện của Tiên-thê; vì vậy, hăng hái mộ người giúp việc, dâng miếu mới, khắc tượng mới, sửa sang việc phụng-tự, nay cũng đã gọi là đầy đủ, bèn chép mây lời này làm ghi (38).

Đền thờ Long-vương.— Ở bờ phía nam Phước-giang, cách phía đông trần-thành 15 dặm. Thờ Hiền-tông (1691-1725), Chánh Thông-suất Nguyễn-Vân đi đánh Cao-miền, ngang qua chồn nầy; thầy vục thành sâu hiểm, dưới sông, có đá rạn ản phục, nước chảy sóng xao; bỗng chốc cuồng phong nổi dậy, mưa xuống tối đen, thê rất nguy, binh-thuyền hầu bị nghiêng đắm. Chợt thầy trong lùm cây bên bờ, ản nước có một túp miếu tranh nho nhỏ, hỏi ra mới biết đó là đền thờ thần Long-vương. Nguyễn-Vân khăn vải, bỗng chốc trời quang mưa tạnh, binh-thuyền đi qua được bình yên. Lần ấy ra trận được thành công, lúc khải hoàn, ông cho đại tu bổ miếu-vũ, để đáp tạ ơn thần minh; đền nay miếu mạo vẫn còn nguy nga, trông vào rất có vẻ nghiêm kính (39).

Nhà thờ Diên-công.— Ở tổng Phước-hưng, huyện Phước-an, thờ Khai-biên Công-thần, Chương-cơ Diên-lộc-hầu Nguyễn Công, có ghi trong diên-lễ phụng-tự (40).

**Nhà thờ Giáp-công.**— Ở địa phương làng Xích lam, tổng Phước-hưng, huyện Phước-an, thờ Tiên-triều An-biên Công-thần, Ký-lục kiêm Cai-cơ, Giáp-lãnh-hầu; có ghi trong Từ-điển, nhưng tên họ và sự-tích không tường (41).

**Nhà thờ Nam-hải tướng-quân.**— Thờ thần cá Voi. Giồng cá không có vẫy, trên đầu tron nhẵn, có một lỗ thùy, phun nước ra như mưa, mỏn giồng mỏn voi, đuôi như đuôi tôm, dài đến 2, 3 trượng, ưa nhào nháy trên mặt biển. Người đánh cá mỗi khi thấy lưới, khăn vái thì cá Ông đuổi các cá khác vào lưới cho rất nhiều, bởi thế dân chài-lưới rất cảm ơn. Cũng có lúc cá Voi đi lằm vào trong lưới, dân chài liền cắt lưới giải thoát cho. Những lúc ghe thuyền bị phong ba giữa biển, thường thầy cá Voi theo kèm thuyền cho khỏi nghiêng đắm, giữ gìn cho người được bình yên. Nếu thuyền rủi bị chìm, cá Voi cũng có thể vớt người lên bãi. Sự linh ứng ấy chỉ thấy ở hải-phận Việt-Nam từ sông Gianh (Linh-giang) đến Hà-tiên mà thôi, ở biển khác không thấy linh. Có lẽ Nam-phương sơn hải anh linh, nên âm phủ mặc tướng, để gìn giữ dân ta đó chăng? Triều-đình có ban sắc, phong tặng làm « Nam hải Tướng-quân Ngọc-lân Tôn-thần », có ghi vào điển lễ-thờ tự. Cá Voi có lúc chiến đấu với các loài ác-ngư khác, bị tử-thương giữa biển; dân miền biển liền vớt vào, sắm quan quách tẩm liệm, chọn một người trưởng trong ngư-hộ làm chủ chịu tang, rồi lựa huyết đất chôn cất rất chu đáo, và cất nhà thờ ở bên mộ để thờ phượng. Làng nào có chôn cá Voi, dân trong làng làm nghề đánh cá rất thịnh vượng. Làng không có cá Voi chôn, cũng lập đền để thờ, tất các làng duyên-hải làng nào cũng vậy.

**Đền thờ Năm Ông (Ngũ-công-tử).**— Ở đầu nguồn sông Băng-Bột thờ Trà-mã Quốc-công, Trà-môn Quận-công, Trà-nông Quận-công, Trà-Việt Quận-công và Trà-khuông Quận-công, rất linh-ứng lạ thường. Ai đi ngang qua trước đền phải sắm lễ cầu cúng, mới được bình yên. Ấy là các vị thần ở năm khe nước độc, nơi theo tiếng mọi mà xưng hô; còn tôn-hiệu phong tặng không biết tự thời nào, còn chờ nghiên-cứu (42).

**Chùa Sắc-tứ.**— Ở bờ phía nam Phúc-giang, cách phía đông trành-thành 8 dặm, do Chánh-Thông-suất Nguyễn-Vân sáng lập. Túc-tổng Hiều-minh Hoàng-đề giáp-dần năm thứ 10 (1734- Lê Thuán-tông Long-đức tam niên — Đại-Thanh Ung-chánh thập nhị niên), ngự cho một trăm

biên chữ vàng, giữa khắc 5 chữ: « Sắc tứ Hộ-quốc-tự », bên tả khắc: « Long-đức tam-niên, tuê thứ giáp-dần trọng-thu », bên hữu khắc: « Văn-tuyển Đạo-nhơn đế », Kiều chữ rất cứng rắn. Chùa bụt nghiêm trang, cửa thiền thanh tịnh, thực là một nơi lạc-thở của Nam-tông. Tây-sơn hủy phá tượng phật, chùa chiến bị phá hư, nay chỉ có một ngôi chùa nhỏ lọt tranh, còn lưu dấu cũ (43).

**Đại-phò-châu Nông-hải (don-nai).**— Ở đầu phía tây Cù-lao Phò. Buổi đầu khai thác, Trần-Thượng-xuyến Tướng-quân chiêu tập các nhà buôn Tàu, xây cất phò xá; lầu cao gác lớn, ngôi lợp tường xây, liên lạc kéo dài năm dặm, thu hoạch thành ba đường lớn: đường Đại-cái phò xây đá trắng, đường Hoành-cái-phò xây đá tổ-ong, đường Tiểu-cái-phò xây đá xanh, đường nào cũng tron tru rộng rãi. Thương-khách tụ họp, thuyền bè đầy sông, thực là một nơi đại-đô-hội; những nhà buôn giàu lớn, chỉ nơi ấy là nhiều nhất. Những người mà cả nước đều biết tiếng, như Lâm-tô-Quan, ông ngoại của tôi; tên chữ của ông tôi tiếng Tàu đọc là « Nái » cho nên tục xưng ông « Nái », nguyên người huyện Tân-giang, phủ Tuyên-châu, tỉnh Phước-kiên; lúc vua Thê-tôn truyền đòi sắc-phục, ba cha con vị hãm-mộ sự vinh-hoa của « áo mào », cùng một lượt dân vàng lạc quyền, được phong làm chức Nội-viện Thị-hàn; ông có tiếng hào-phú, đồn ra thâu-châu, vì bà nội tôi tên Vương-thị Nghi, tục gọi Bà Nghi; cùng ông Châu người phủ Tứ phong, đều nổi tiếng giàu có lớn. Từ năm binh-thân (1776) trở về sau, Tây-Sơn vào đánh phá, triệt-hạ nhà cửa, lấy hết ngôi gạch tiền của chợ về Qui-Nhơn, còn nền đất cày làm vườn ruộng. Từ ngày Trung-hưng đến nay, nhơn dân quy tụ, chưa được một phần trăm ngày xưa (44).

**Kho Điền-tô.**— Ở bờ phía bắc Hậu-giang, tựa núi làm nhà kho; lúc đầu làm nơi trưng thâu thuế khóa trong hạt, nay đã đời đời, chỉ còn dấu nền cũ mà thôi.

**Tân-thạnh, Cảnh-dương, Thiên-mụ.**— Là ba nhà kho của Trần-biên-dính, ở bờ phía đông Tam-giang Nhà Bè. Ngày xưa làm nơi trưng thâu lúa thuế để vận tải ra kinh. Duệ-tôn Ất-mùi năm thứ 11 (1775), xa-gái ngự vào Gia-định, bãi ba nhà kho ấy, thâu trữ lúa thuế vào công-kho cho tiện-việc vận-tải lương-hương; ngạch thuế của dân, danh-lệ vẫn như cũ (45).

**Chợ Bền-cá.** — Cũng gọi là chợ Bình-thảo, tại tổng Phước-vinh; thương-khách tập họp, đường thủy, đường bộ giao thông, buôn bán hàng ngoại-hóa và sản-vật bản-xứ, hải vị sơn hào, thứ gì cũng có, thực là một chợ rất đông đúc ở miền núi (46).

**Chợ Bãng-Bò.** — Tục gọi Đát-Bà, cũng gọi là chợ Long-thạnh; nhà cửa đông-đúc, thủy bộ giao thông, thực là một chợ rất lớn ở miền biển.

**Chợ Bình-quý.** — Tục danh chợ Thủ-Thiểm, thuộc huyện Bình-an, nơi giáp giới phía nam của trần-hạt, day mặt ra Bình-giang, trước mặt thành Gia-định. Ghe tàu đậu chật sông, người ở đó chuyên chở mua bán các thứ vật-thực như cá thịt rau dưa v.v...

**Ụ đóng thuyền.** — Tục danh trạm Các-Lái, ở bờ phía tây Tam-giang Nhà Bè; ngày xưa ghe thuyền ở bắc vào buôn bán, hay dền đó sửa chữa hoặc đóng ghe mới, người ta dền ở đông, tụ tập thành làng xóm. Từ ngày loạn Tây-son, nơi ấy hoang phế, nay trở nên đóng lầy.

**Quán Bình-Đông.** — Tục danh quán Đông-Cháy; ngày xưa ở đây có nhà trạm Bình-Đông, nay đã dời đi nơi khác. Ấy là nơi nhóm chợ buổi trưa ở gò núi, cách phía nam đình-trần 37 dặm; đi qua phía nam một dặm nữa dền bèn đồ Bình-giang, nơi tiếp-giới Phiên-an-trần.

**Quán Bình-Đán.** — Tục danh Quán-Mít, cách phía nam trần 20 dặm; chợ quán nhỏ, có bán diêm tâm (47).

**Cầu Đá.** — Ở phía tây-bắc trần chừng nửa dặm; xây bằng đá tò-ong lớn, nối đuôi giao khớp nhau, nằm ngang trên ruộng; mở 3 cửa, dài 25 trượng. Thời vua Thê-Tông (1738-65), thuộc trần Trung-Bộ-cơ Cai-đội Lê-văn-Hòa xây cất cầu này.

**Cầu Tân-Bán.** — Ở thượng-lưu Lộ-khê tổng An-thủy, cách phía nam trần chừng 9 dặm. Duệ-tông bính-dần năm thứ 12 (1776), tháng 6, Hữu-phủ Kinh-Quốc-Công Tông-phúc-Hập mặt, Hòa-nghĩa-đạo Lý-tướng quân mặt chỗ nương cây, lại bị binh tướng Đông-son hà hiệp, bèn tức giận đem quân làm phản, chiêu mộ người Tàu ở trong hạt sung vào đội ngũ hơn 8.000 người, chia làm bốn sắc « Cờ », quân Cờ Vàng do Lý-trung-Hiến Tướng-quân quân lãnh, Cờ Đỏ do Tướng-quân Lâm-Tân, Cờ Lam do Tướng-quân Trần-Hồ, Cờ Trắng do Tướng-quân Vương-Nam; lại mộ

quân Minh-hương Thanh-hà lập một đội gọi là Trung-đao Quân; chiếm cứ huyện Bình-an, hoành hành cướp bóc; mỗi lúc giết người, quân Trung-đao mổ thịt ăn gan, một cách vô cùng hung ác. Tháng 8, Đông-son Thượng-Tướng-quân Đỗ-Thành-Nhơn suất Đỗ-Hoàng, Đỗ-Ky, Đỗ-Bồ, Đỗ-Bãng, Đỗ-Nhàn 5 tướng lên giao-chiến. Bình Lý-tướng rút lui cứ hiểm núi Chiêu-Thái. Thời ấy binh Hòa-Nghĩa dùng giáo tám vong dài 8 thước; lưỡi giáo như dao làm cá, đâm cũng được, chém cũng được; lại dùng các thứ dao bầu (bài-dao), súng tay (điều-thương), dùng làm lợi-khí. Mỗi lúc ra trận giao chiến, quân lính buộc giầy vàng-bạc vào cò, tỏ ý liễu chết. Bình Đông-son dùng phẩm ngũ-sắc bôi mặt, cắm đèn nhúng dầu-hỏa và gậy bằng gỗ, đầu mũi buộc dây mây, xù xuống như đuôi chim trĩ; lại dùng các thứ dao xà-gạc, đoản-đao làm món binh-khí sở-trường. Đánh nhau ở chợ Bình-Tiên, quân Hòa-nghĩa trả bại, dự địch dền núi Chiêu thái, rồi phục binh ở cầu Tân-bán vụt ra chặn đánh binh tướng Đông-son, giết chết không biết bao nhiêu mà kể. Giáo-sư dạy võ là Nguyễn-Liêu-Cửu (Chín Liễu) bị giặc giết chết, bọn Đỗ Hoàng thất kinh chạy về Sài-gòn. Bình Hòa-Nghĩa tiền đóng đồn tại chợ Bãng Bò, mưu toan vượt qua sông đánh úp thành Phiên-trần. Kịp dền khi Mục-vương từ Qui-Nhơn ngự vào Gia-Định, khiến Tham-mưu Nguyễn-Khoáng thông báo tin tức; Lý-Tài (Hòa nghĩa-quân) bèn thừa thế thẳng xuống Phiên-trần, gây nên việc họa, bức vua phải nhường ngôi cho Đông-cung (48).

\* \* \*

## TRẦN ĐỊNH-TƯỚNG

**Trần Định-tướng.** — Ly-sở tại thôn Mỹ-chánh, tổng Kiên-thạnh, huyện Kiên-hòa. Thê-tông Kỷ-múi năm thứ 32 (1679), tháng 2, ngày 18, Long-môn tướng-quân Dương-ngạn-Địch (49) từ Đại-Minh dền kinh-sư xin quy phụ, phụng chỉ khiến Xá-sai Văn-Trình và tướng-thần-lại Văn Chiêu đem dụ-văn cho Miên-Vương thu khiến chia đất cho bọn Ngạn-Địch ở. Tháng 5, Văn-Trình dẫn binh đội và thuyền bè Long-môn dền đóng đồn ở địa phương Mỹ Tho, làm nhà cửa, tập họp dân Tàu dân Thổ, kết thành xóm làng. Dền thời Hiên-Tông (1691-1725), thiết lập phủ-trị ở phía bắc chợ, lệ thuộc Phiên-trần-dinh. Thời Duệ-Tông (1765-78), cải thiết đạo Trường-đồn, có một viên Cai-đội hoặc Cai-cơ, hợp với một viên Thư-ký

coi giữ; sau lập làm dinh-trần (chép rõ ở mục Cương-vực-chí), tùy thời dời đổi, nhưng nam bắc tiền thời cũng không ngoài địa-cuộc ấy, chỉ thành-bảo thì chưa xây đắp. Phía nam trị-sở là chợ phò Mỹ-Tho, nhà ngói cột chạm, chùa rộng đình cao; thẳng sông thì tập nập, ghe thuyền, phồn hoa huyền ảo, thực là một nơi đại-đô-hội. Từ loạn Tây-sơn, phò chợ hóa ra chiến-trường, đốt phá hầu hết. Từ năm mậu-thân (1788) trung-hưng đền nay' hơn dân đã hồi phục dần dần, tuy đã trừ mặt nhưng chưa bằng một nửa ngày trước. Năm nhâm-tý (1792), ngang sông bắc cầu Thái-tông thông với đốn Kiên-định; năm tân-đậu (1801) bị hư đổ, nhưng vì loạn lạc đã yên, trong cõi chẳng có việc gì cảnh cấp, vả lại nơi ấy nước sông vừa sâu vừa chảy rất mạnh, nên không sửa cầu lại, nay người ta dùng đò ngang qua sông (50).

**Đốn Mỹ-tho.** — Ở phía nam trần chừng 1 dặm; trước đây là rừng hoang, làm nơi hang beo tổ cọp. Năm nhâm-tý đầu trung-hưng, khởi đắp đốn vương, chu vi 998 tấm, tả hữu làm 2 cửa, cửa bắc cầu treo, hào rộng 8 tấm, sâu 1 tấm; bốn mùa có nước ngọt, cá tôm đầy dẫy, có đường cống chảy thông ra sông lớn. Phía ngoài hào có lũy đất đắp thành góc như hình cánh hoa mai, mặt trước, chân lũy dày 30 tấm ra đến sông lớn. Trong đốn có kho gạo, kho thuốc súng, trại lính, có đặt đại-bác hãn hòi, mặt sông rất rộng lớn. Năm giáp-dần (1794), trên đốn đặt đại-bác bản thứ qua bờ bên kia sông, cách xa 10 dặm mà cây rừng đều gãy nát, đủ thấy sức đạn đi rất xa vậy.

**Huyện Kiên-hòa.** — Trị sở đóng tại địa-phận làng Mỹ-hóa, tổng Kiên-thạnh, cách phía nam trần 20 dặm rưỡi; nơi ấy nguyên gọi là Lương-quán, có một cái chợ nhỏ, từ ngày loạn Tây-sơn, huyện bị triệt phế. Gia-long năm thứ 20, đặt huyện lại chỗ cũ, khuy-chê cũng như trần Phiên an.

**Huyện Kiên-đăng.** — Trị sở đóng tại đông-thôn làng Mỹ-đức, tổng Thi-giang, khuy-chê cũng như huyện trên.

**Chợ Phú-lương.** — Tục gọi Chợ-Bền, cách phía đông trần hơn 40 dặm, nhà cửa rất trù mật. Chợ có bán thứ bánh trắng dày, rất ngon, giá rẽ, gần xa đều biết tiếng, khách qua lại hay mua để làm quà biếu người quen. Bên Chùa ở phía đông chợ là nơi có nhiều nhà bán gạo lớn, cho nên thuyền đến mua gạo đều đậu ở bên ấy. Chợ ấy cũng gọi là Chợ-lớn.

**Chợ Hưng-lợi.** — Tục gọi Vưng-Cù, ở bờ phía nam sông Bão-định, phò xá ở sấp lợp, day mặt ra sông lớn, ghe thuyền qua lại hay đậu lại ở đó để chờ con-nước, cho nên ở sông có nhiều thuyền nhỏ mua bán đồ ăn; người ta có bán một thứ thịt nấu gọi là thịt Bái-đáp. Nguyên tại làng Bái-đáp, huyện Quảng-điển, kinh Phú-xuân (Thừa-thiên), có những người làm nghề bán thịt heo, có phương-pháp riêng lược thịt rất khéo, ăn rất ngon; người ở đây bắt chước cách lược thịt đặc biệt ấy, cho nên cũng gọi là thịt Bái-đáp (51).

\* \* \*

## TRẦN VINH-THANH

**Trần Vinh-thanh.** — (Sự thay đổi đã tường thuật ở mục Cương-vực chí). Gia-long quý-đậu năm thứ 12, trọng-xuân, khâm mạng Trần-thủ Lưu-phước-Tường đắp một vòng thành bằng đất, tọa hướng « Càn » day mặt qua hướng « Tồn », nam-bắc cách nhau 200 tấm, đông-tây cũng vậy. Bốn mặt thành quẹo vào, ngoài có cửa, thành công như hình ngọc khuê, 4 góc thành giô nhọn xem như hình con kim-quy, cũng như hình bông mai. Có hai con đường dọc, ba đường ngang, trước cất nhà kho; trong làm việc quan và trại lính, phân bố hai bên tả hữu. Hào rộng 10 tấm, sông Long-hố ở phía tả thành, phía hữu là Rạch-Cá. Sau lưng thành là sông Tiên-giang, trước đào một đường cừ sâu, dài 425 tấm, ngang 40 tấm, thông với dòng nước sông Long-hố, lũy Rạch-Cá làm hào lũy ngoại-thành. Góc phía đông thành, đường quan-lộ chạy dài theo bờ sông; bên tả đường là Sứ-quán, bên hữu đường là chợ Vinh-thành. Trên rạch-cừ đầu đường, bắc một cái cầu dài đi ngang qua lý-sở cũ; qua cầu sông Long-hố đến chợ Long-hố. Xương Thủy-sur ở góc phía nam cừ, ngoài bao một sở đốn ba mặt; góc tây-nam cừ bắc cầu Thông-tê, mặt sau ngó ra sông, có một dãy nhà phò, thực là một nơi hình thắng trọng yếu (52).

**Đốn Chu-độc.** — Ở phía đông sông Vinh-tê, Hậu-giang, cách phía tây trần 326 tấm. Gia-long ất-hội năm thứ 14 (1815), Vinh-thanh Trần-thủ Lưu-phước-Tường phụng mạng suất quân dân trong trần-hạt 3.000 người, mỗi người cấp mỗi tháng 2 quan tiền, 1 vuông rưỡi gạo; ngày mùng 4 tháng 12 khởi công đắp một cái đốn lục-giác, trước đền sau 324 tấm, tả hữu 164 tấm. Tả hữu đều có 2 cửa, sau 1 cửa, cao 7 thước, chân dày 6 tấm, trên đầu thâu hẹp lại 5 thước, làm 2 cạp. Tọa hướng « càn » day

mặt qua hướng « tòn », phía hữu giáp sông lớn. Phía tiền, phía tả, phía hậu, đào hào rộng 20 tấc, sâu 11 thước, thông dòng với sông lớn. Trong có trại lính, nhà kho, chứa đủ các thứ đại-bác quân khí, dùng quân từ-trần và đồn Oai-viên mỗi phiên 500 người lưu thú. Ngó ngang qua đồn Tân-châu, Tiến-giang, ở cách phía đông 32 dặm rưỡi, phía tây cách trấn Hà-tiên 203 dặm, phía bắc cách thành Nam-vang 244 dặm rưỡi, thực là một nơi biên-phòng trọng yếu (53).

**Đồn Chu-giang.**— Nguyên trước là thủ-sở Chu-độc, ở ngay nơi môn cồn nước chảy, thường bị lụt ngập xoi lở, vỡ lại sóng mòi dữ dội, thương thuyền đình chỉ bắt tiện. Gia-long năm thứ 17 (1818), quý đông, chỉ thuyền Tả-quân Phó-Tướng, sung Vinh-thanh Tổng-trần Nguyễn-văn Xuân, nhằm địa-thê dời lên thượng-lưu, cách sở cũ 1 dặm, đắp một sở đồn vuông bằng đất, tọa hướng « quý » day mặt qua hướng « đình », mỗi mặt dài 30 tấc, cao 6 thước rưỡi, chân tường dày 3 tấc, đầu bóp lại 4 thước, chính-trung các mặt đồn đều giõ nhọn ra xem tựa như hình bát-giác, hai mặt tả hữu gắn góc phía tiền, đều có mở một cửa; hào rộng 3 tấc, bờ hào 4 tấc, tiền-hữu cách sông 35 tấc; đôi tên gọi đồn Chu-giang, làm nơi trú phòng đề ngăn giặc.

**Huyện Tân-an.**— Đứng tại thôn Phước-hạnh, Ba-Việt, cách phía đông trấn 121 dặm; ngó ra sông, thông qua chợ Việt; phò xá trú mặt, khuỷu chèo giồng trấn Phiên-an. Trước đây, tháng 3 năm Đinh-dậu (1777), Tây-sơn vào đánh; tháng 7, giặc kéo thêm binh ác chiến, Mục-vương kiệt lực bị giặc bắt dẫn đi, Tổng-công tử nạn vì nước, thương thay (54).

**Huyện Vinh-an.**— Ở thôn Vinh-phúc, chợ Sa-déc, quy-chê cũng như huyện trên.

**Huyện Vinh-bình.**— Ở địa-phận hai làng Tân-hợp, Phú-an xứ Mãn-Thít, quy-chê cũng giồng huyện trên.

**Huyện Vinh-định.**— Ở địa-phận thôn Tân-an xứ Cấn-Thư quy chề cũng giồng huyện trên.

**Miêu Hội-đông.**— Ở địa-phận phường Sùng-văn, trấn Vinh-an; có lim kéo gỗ, ruộng chạm cửa sơn; làm nơi thờ tể; mỗi năm xuân thu hai kỳ, trấn-quan theo nghi-thức hành-lễ; có ghi trong điển-lệ tể tự.

**Đền thờ Lê-công.**— Ở trên cồn lớn Hậu-giang. Hiển-tông kỳ-mão năm thứ 9 (1699) (Lê Hy-tông Chính-Hòa năm thứ 20, Đại-Thanh Khương-hy năm 38), tháng 7, Cao-miền-quốc Nặc-Thu đắp Khu-bích, Nam-vang, lũy Cầu-nam, đánh cướp dân buôn. Long-môn-tướng Thông-binh, Thăng tài-hầu Trần-thượng-Xuyên lúc bấy giờ đương chú phòng Doanh-châu, bèn dâng biểu tâu báo công việc với Triều-đình. Tháng 11, Thông-suất Chương-cơ Lê-thành-hầu, Nguyễn-công, Tham-mưu Cầm-long-hầu Phạm công, điều-khiển Trần-biên-đình Lưu-thủ Nguyễn-hữu-Khánh, và quân lính hai dinh Quảng-nam, Bình-khương, hợp đồng với Long-môn tướng-sĩ, tiền đóng giữ Tân-châu đề dò xét sự thực hư của quân-địch. Năm canh-thìn (1700) tháng 3, tiền đánh lũy Nam-vang, binh giặc dàn trận đề chờ; Lê-công đứng đầu mũi thuyền, cầm gươm chỉ huy, ba quân đều tiền, tiếng súng nổ vang như sấm. Nặc-Thu lui trước, binh Cao-miền chẳng đánh tự tan vỡ. Quan-binh liền đánh hạ đồn Khu-bích, quân Cao-miền ra hàng, Lê-công vào đồn an võ dân chúng. Tháng 4, Nặc-Thu đèn trước cửa quân phục tội. Lê-công thành thực an-ủi, khiến Thu trở về La-bích chiêu tập dân lưu vong; Lê-công đem quân về đóng tại cồn Cây Sao (nguyên chú: Thuở xưa cồn này có nhiều cây sao, tức cồn Ông Chương ngày nay), báo tin thắng trận về Triều-đình đề chờ mệnh lệnh. Đêm 26 tháng ấy, mưa gió nổi lên dùng dùng, đất đầu cồn sập lở có tiếng như sấm vang; trong đêm ấy ông nằm chiêm bao thấy một người cao lớn, mình mặc áo gấm, tay cầm búa vàng, mặt đỏ như thoa son, mày râu trắng toát, đèn trước mặt nói rằng: « Tướng-quân nên về gấp, không nên lưu ở nơi ác địa này ». Ông tỉnh dậy ngẫm nghĩ rất lầy làm buồn, nhưng hiểm vì việc biên-phòng sắp đặt chưa yên, tàn quân của giặc còn ăn phục sơn lâm chưa dẹp hết, không biết tính làm sao. Bỗng nhưng ba quan phát đầu bệnh dịch, ông cũng nhiễm đau, dần dần hai chân tê liệt, ăn uống không được. Xảy vừa lúc ấy gặp tiết doan-ngộ mừng 5 tháng 5, ông gượng ra khao thưởng quân sĩ, bị gió thổi huyết, bệnh trở nên trầm trọng. Ngày 14 kéo quân về, ngày 16 đến Sầm-giang; than ôi, ông qua đời từ ngày ấy vậy. Quan-cứu đưa về Trần-biên-đình, quyền táng ở đó. Hưng tin tâu về Triều-đình, vua Hiển-tông rất lầy làm thương tiếc, truy tặng Hiệp-tán Công-thần, đặc tiền trật Chương-dinh, Thụy-hiệu Trung-cán, thọ 51 tuổi. Người Cao-miền lập miếu thờ phượng ở đầu cồn Nam-vang. Chỗ đóng binh ở cồn, dân cũng dựng đền thờ, nhơn gọi tên cồn ấy là cồn Ông Lê. Nơi đình lưu quan-cứu ở Trần-biên-đình, cũng lập miếu ở đó. Miếu đền các nơi đều



linh ứng hiện hách, há chẳng phải lòng trung thành của ông đậy đậy trường tồn trong vũ-trụ ư? Trần-tướng-quân thường giao chiến với giặc, chúng nó đều kinh sợ, nên sau khi ông chết, chúng cũng lập miếu thờ ở xứ ấy; làng Tân-an ở Phiên-trần, làng Tân-lân ở Trần-biên, đều tưởng nhớ công khai khẩn của ông, nên lập miếu phụng thờ, đời đời hương hỏa bất tuyệt (55).

**Chợ Long-hố.**— Cách phía đông trần-thành 1 dặm, hai mặt đều day ra sông, dựng vào năm nhâm-tý, Túc-tông năm thứ 8 (1732); phò xá liên hàng, bán đủ trăm thứ hóa vật, giăng dài 5 dặm, thuyền bè đậu đầy sông; đình miếu nguy nga, đờn ca náo nhiệt, thực là một nơi phố chợ rất lớn lao. (56)

**Chợ Sa-déc.**— Ở phía đông trị-sở huyện Vinh-an, phố chợ thẳng bờ sông, nhà cất liền nhau, kéo dài 5 dặm; dưới sông, nhà bè (nhà cất trên bè tre) đậu thành hàng, bán đủ các thứ tơ lụa nam bắc, dầu mỡ than củi, tre mây mắm muối v.v... Trên bộ dưới sông, mua bán tấp nập đủ thứ hàng chóa mắt mê hồn, thực là một nơi phồn hoa danh thắng vậy (57).

\* \* \*

## TRẦN HÀ-TIÊN

Công-thự trần Hà-tiên, tọa hướng « càn » day mặt ra hướng « tồn », lấy bình-sơn làm hậu-hộ, Tô-châu-sơn làm tiền-án, đại-hải làm bờ ở phía nam, Đông-hồ làm hào ở phía trước. Ba mặt đắp lũy đất, từ Dương-chữ đến hữu-môn, dài 125 trượng rưỡi; từ hữu-môn đến tả-môn, dài 153 trượng rưỡi; Tả-môn đến Xương thuyền, ra Đông-hồ, 308 trượng rưỡi; bề cao đều 8 thước, dày 7 thước, hào rộng 10 thước. Giữa thành làm công-thự, trước công-thự làm Vọng-cung, tả hữu cất quân-trại; trước sân có cầu đá, phía tả tiếp sứ-quán, phía hữu tiếp công-khò; ngoài trần có lùm núi Ngũ-hồ. Chợ trần-thành họp ở ngoài Vọng-cung, nằm về phía tả. Quan-đề-diện tại phía tả Công-thự, sau Công-thự có chùa Tam-bửu, phía tả chùa là đền thờ Mạc-công. Trần-thị phía đông ngó ra bên hồ, trên bên có trại cá; phía bắc Công-khò là Hội-đông-miêu, phía bắc miếu là xưởng đóng thuyền. Ngang dọc đều chia vạch bằng đường-cải lớn. Phía tả Quan-đề-diện là phố Điều-kiểu, phía đông là phố Chợ Cũ, kể phố Chợ Cũ là phố chợ Tô-sur. Các phố lớn đều kinh dinh từ thời Mạc-

Tông-Công, tấp nập liên-lạc; dân Việt, dân Tàu, Cao-miền, Đố-bà, tụ thành từng nhóm riêng ở với nhau. Tàu biển thuyền sông, qua lại liên tiếp, thực là một nơi đại-đô-hội ở góc biển vậy (58).

**Long-xuyên đạo.**— Ly-sở ở bờ phía đông trần-thành, tiếp giáp bãi biển, có nhiều cá lớn; sông nhiều cá sấu, đất nầy xưa Cao-miền gọi là Camau, tức tiếng ta gọi « nước đen » vậy. Đất xứ nầy thấp ướt, phải bắc nhà sàn mà ở; ngày xưa Mạc-Cửu đặt làm Đạo, Gia-Long năm thứ 7 (1808), mới đặt làm Huyện, chia 2 tổng, cũng thuộc về Đạo kiêm linh. Đặt một quan văn, một quan võ, võ đặt Cai-cơ hoặc Cai-đội, văn đặt Tham-luận hoặc Thư-ký; cùng nhau giữ thành trì, thu thuế, biện lý ngục-tụng, có thuộc-lại và đội lính Long-quang để sai khiến. Phố chợ trước Đạo, tấp nập dân Tàu, dân Việt, dân Cao-miền rất đông đúc; có thuyền Xiêm-la qua lại mua bán luôn luôn. Xuất lực khai khẩn đất đai, chỉ có người Tàu siêng hơn hết; cho đèn đánh lưới, làm nò, đi buôn, đi bán, cũng đều do tay người Tàu chủ trương (59).

**Kiên-giang đạo.**— Ở phía đông trần, tục gọi Đám-Cùng, phía nam thông với Thước-giang-cảng; ngày xưa là một nơi hoang vu xà-xuôi, nay có quan-quân đóng, khách buôn bán tấp nập đông đúc. Thiết lập 1 huyện, 2 tổng, lấy một viên quan văn và một viên quan võ ở trong Đạo ra trông coi, trưng thầu thuê má, biện lý các việc ngục hình; có thuộc-lại và đội lính Kiên-nghị giúp việc. Đây là một nơi yếu địa quan phòng, có sứ-thần Xiêm-la thường hay qua lại (60).

**Miếu Hội-đông.**— Ở gần bên Đạo Long-xuyên, báng thiệp màn thêu, cửa sơn cột chạm, rất là rực rỡ nguy nga; phụng thờ Tam-giới Linh-thần, rất hiển ứng, có ghi trong điển-lệ phụng-tự.

**Hải-linh-miếu.**— Ở trên núi đá-trắng Long-xuyên, day mặt ra biển; vẽ rồng chạm hạc, rực rỡ nguy nga, thờ các vị linh-thần sông biển; dân bản xứ cầu cúng, thường cũng linh ứng.

**Chùa Tam-bửu.**— Ở phía sau trần-thự; cửa thiên rộng mở, tượng bụt trang hoàng, sáng lập từ thời Thông-bình Mạc-Cửu. Nguyên thân-mẫu của Mạc-Công là Thái-Phu-nhơn, tuổi hơn tám mươi, vì nhớ con, từ Lôi-châu vượt biển qua thăm; Mạc-Công lưu Bà ở lại Việt-nam để phụng-dưỡng. Phu-nhơn vốn tính sùng Phật, ngày đêm chân thành thờ

lạy; nhưn ngày lễ Tắm-Phật, Phu-nhơn vào chùa lễ bái; trong lúc đương lạy, thỉnh-linh Phu-nhơn ngồi hóa ngay trước bàn Phật. Mạc-Công an táng mẹ ở Bình-sơn, còn đúc đồng làm tượng, để thờ trong chùa, nay pho tượng Phu-nhơn đương còn (61).

Ao Thỏ-vũ. — Ở sau miếu Quan-đê, sâu rộng hơn một mẫu; có vườn rau ở phía nam ao, nhờ nước ao để tưới; ao có rất nhiều cá.

## TRẦN KINH HÒA

## CHÚ THÍCH:

(tiếp theo kỳ trước)

(28) Phong-tục-chỉ quyển 5, mục Biên-hòa-trần chép rằng: "Thủy tú sơn thanh, tục hậu việc rãnh; kẻ sĩ chuộng Thi Thơ, dân siêng cấy cấy, đều có nghề nghiệp; văn vật, cách ăn mặc, nhà ở đều giống người Tàu, chỉ có hạt Long-thành, Toái-dâm có nhiều đám lầy, rừng bụi sấm uất; thường có trộm cướp núp lén, khách qua đường thường phải đề-phòng."

(29) Mục chép: Năm Tân-mão (1771), trần Hà-tiên thất-thủ v.v... tức chỉ việc Triêm-vương Phi-nhã-Tân (Phva Tak Sin) tức Trịnh-Chiêu) xâm chiếm Hà-tiên. Tường thuật việc ấy thấy ở các sách "Trịnh-thị gia-phả", "Thực-lực tiến-biên" (quyển XI), "Liệt-truyện tiến-biên" (Quyển VI), và "Thông-chí, Cương-vực chí"; nay dẫn một đoạn trong Cương-vực chí để giúp việc tham-khảo: "Tân-mão năm thứ 7 (1771), mùa thu tháng 8, Hà-tiên-trần dò biết Triêm-vương Phi-nhã-Tân kiếm điểm giáp binh, định ngày tiến công. Tông-đức-hầu (tức Mạc-Thiên-Tử) chạy giặc cấp báo Trần Gia-định và xin viện binh... (lược đoạn giữa)... Tháng 9, Phi-nhã-Tân lấy cờ Chậu-Thủy (tức cháu của Triêm-vương Ekot'At, năm 1767, triều A-Du-Đà-Nha bị quân Diên-diện lật đổ, Chậu-Thủy chạy qua Hà-tiên nương nhờ Thiên-Tử) còn ở Hà-tiên, cũng như bên giềng nam của mình có một người nằm ngáy (ý nói khó chịu), bên thừa duệ-khi vừa chiến thắng Lư-côn (tức Ligor), thân dẫn quân thủy, quân bộ 30.000 người, dùng Bạch-mã Trần-Thái (người Triều-châu, năm 1769 âm mưu chiếm thủ Hà-tiên, bị tiết lộ công việc, chạy qua nương nhờ Trịnh-Chiêu) làm hướng-đạo, ngày mùng 3 tháng 10 tiến đến Hà-tiên đánh vây trần-thành (nguyên-chủ: Thành 3 mặt dựng ván gỗ, không có xây đá đắp đất). Thời ấy, binh trần rất ít oi, đóng cửa thành ra sức chiến đấu, và phi đệ đại-bài cáo cấp với đồn dinh Long-hố. Vừa lúc ấy Triêm-binh chiếm cứ núi Tô-châu, bắn đại-bác vào thành, thê rất nguy cấp. Đêm mùng 10, khi thuốc súng núi Ngũ-hồ phát hỏa; đêm 13, Triêm-binh do cửa sau thành, nơi cửa sông nhỏ không có đắp thành, đánh ủa vào; phóng hỏa đốt dinh, lửa sáng rực cả rừng núi; Triêm binh trong ngoài giáp công, la ó rầy trời, tiếng súng nổ như sấm. Tông-đức-hầu thân đốc binh bản-bộ đánh nhau trong đường hẹp. Chừng một lúc quân dẫn trong thành đều tan chạy hỗn loạn. Canh ba, thành bị hãm, Tông-đức-hầu quyết tử chiến. Cai-đội Đức-nghiệp-hầu bèn bóng Tông-đức-hầu lên.

thuyền, chèo ra sông do đường thủy tâu thoát. Hiệp-trần Mạc-tứ-Hoàng, Thảng thủy Mạc-tứ-Thường, Tham-tướng Mạc-tứ-Dung (đều con của Thiên-sứ) đều suất thủy-quân phá vòng vây do đường biển chạy xuống Kiên-giang (Rạch-giá), qua Trần-giang (Cán thơ) đình trú.... Thuộc về đầu đuôi việc lịch-sử này, xin xem "Hà-tiên-trần-Hiệp-trần Mạc thị gia-phả" bài do Bút-giả viết, đã đăng trong Văn-Sử-Triết-học-báo, kỳ thứ 7, trang 106-109. Nguyễn Đàm, Thông-chí Cương-vực-chỉ chép Đàm-ân-hầu Nguyễn-Đức-Đàm, Thực-lực tiến-biên chép làm Nguyễn-cửu-Đàm, Trịnh-thị Gia-phả chép làm Đàm-luận-hầu.

(30) Hai lũy Tân-Hoa, Trúc-giang, và các lũy Đông-giang, Phúc-tứ, Đông-môn, Trảo-trảo, Kỳ-giang ở đoạn dưới, đều thấy chép trong Đại-nam Nhật-thông chí, ở mục Biên-hòa-tĩnh Cờ-tích; văn chép đại-lược giềng nhau.

(31) Sử-sự ấy cũng thấy chép ở Thực-lực Tiến-biên (quyển 5), mục Thái-tổng giáp-dẫn năm 26 (1674), mùa xuân tháng 2; nhưng văn chép vẫn tốt hơn, và đem tên Nguyễn-Dương chép làm Nguyễn-Dương-Lâm, Nguyễn-Diên chép làm Nguyễn-Diên-Phái. Nay dẫn nguyên-văn để giúp tài-liệu tham-khảo: (Vua khiên Thái-khương-dinh, Nha-trang-đạo Cai-cơ Nguyễn-Dương-Lâm đem binh cứu nước Chân-lạp. Nguyên trước đây, Chân-lạp Nặc-Ô-Đài mưu phản, làm cầu nôi khóa sắt, đắp thành Nam-vang, nhưng sợ quốc vương Nặc-Non chưa dám hành-động; bèn thám cầu viện nước Triêm-la, đón tiếng nói Triêm-vương phát bộ-binh hai vạn, thủy-binh hai nghìn, voi ngựa một nghìn, qua đánh Nặc-Non hỏi tội cự mạng. Nặc-Non cả sợ, chạy xuống dinh Thái-Khương. Dinh-thần tâu việc ấy về Triều-dinh, vua phán rằng: (Nặc-Non là phiên-thần của ta, chẳng khá chằng cứu). Bèn khiên Dương-Lâm làm Thông-binh, Trương-thần-Lại Thủ-chàng cứu). Bèn khiên Dương-Lâm làm Thông-binh, Trương-thần-Lại Thủ-chàng đi đánh. Bọn Dương-Lâm chia binh làm hai đạo, đương đêm úp phá các lũy Sài-gòn, Bích-đôi, chặt đứt cầu nôi khóa-sách, thẳng tiến vây thành Nam-vang. Nặc-Ô-Đài sợ chạy, bị chết, Nặc-Thu ra cửa quân đầu hàng. Tin thắng trận báo đến, Triều-dinh hội-ng nghị cho rằng Nặc-Thu thuộc dòng đích, phong làm Chánh-quốc-vương, trị vì tại thành Sài-gòn, cùng nhau đồng xử lý việc nước, hàng năm lo việc triều công. Chân-lạp bèn yên. Diên-Phái, Văn-Sùng bị chết trong quân; Diên-Phái sau khi chết hiển linh, người ta hay cầu cúng, người Chơn-lạp làm nhà Thờ, thờ ông ở cửa biển Mỹ-Tho).

Xét Thông-chí, "Chánh-vương-Sô" tức dịch âm chữ "Ponhea Saur", "Bô-Tâm" (S.A. Phu-Tam) tức dịch âm chữ "Bautume" (Vongs-reachéa); nhưng cứ theo Cao-miên Sử-thư thì người này là rể của vua Ponhea Saur. Nặc-Thu, Nặc-Non tức dịch âm Angk saur (Chey Choettha IV) và Angk Non. Tham-khảo Leclère, op. cit. P. 352-355.

(32) Cứ theo Sơn-xuyên-chỉ đã chép, thì bà vợ của Mạc-Cửu, người khai thác tỉnh Hà-tiên, tên là Bùi-thị Lâm, người làng Đông-môn, trần Biên-hòa. Như thế chúng ta biết rằng Mạc-Thiên-Tử là một người Tầu lai Việt. Xem bài dẫn ở trên của Bút-giả trang 87.

(33) Mục-vương tức Đông-cung-Dương, Duê-tổng binh-thần năm thứ 11 (1776), tháng 11 ngày nhâm-thân, do Hòa-nghĩa Tướng-quân Lý-Tài phò lập.

lên, chịu Duệ-Tông truyền ngôi, hiệu Tân-chính-Vương; kể năm sau (1777), tháng 8, bị Tây-son Nguyễn-văn-Huệ làm hại; Gia-long năm thứ 8 (1809) truy tặng hiệu Mục-vương. Thuộc đoạn văn lịch-sử này của Thành-trì-chí, cùng với đoạn văn chép trong Thực-lục-Tiến-biên (quyển 12), mục tháng 2 năm đinh-dậu thứ 12, có khác nhau chút ít. Thực-lục chép rằng: . Giặc Tây-son Nguyễn-văn Huệ đem quân thủy, lục vào đánh cướp, Tân-chính-Vương lưu Lý-Tài giữ Sài-gòn, tự mình đem quân tiền đóng Trần-biên. Bộ-binh của địch lên do đường thượng đánh vào, Phó-Tiết-chè Nguyễn-cửu-Tuần, Chương-Trường-dà Nguyễn-đại-Lữ đều từ-trận; Lý-Tài ở Sài-gòn giao chiến với thủy-binh của địch, cũng không được thắng lợi. Tân-chính-vương hội các tướng nghị kế. Tham tán Nguyễn-đăng-Trường cho rằng quân ta ít, quân địch đông, khó bề đối địch, chỉ bằng lui quân về Sài-gòn, sẽ liệu kế hoạch chống giữ. Vua nghe theo, bèn lưu Chương-cơ Tông-phúc Lương đồn trú Trần-biên, tự mình dẫn binh về Sài-gòn. Được vài ngày, quân giặc lại đến, vua khiến Lý-Tài ra Hóc-môn cự chiến, giết được Tuấn-sát Tuyên (khuyết họ) của địch, quân địch hơi rút lui. Lúc ấy vừa có Trương-phúc-Loan từ Cán-Bọt kéo quân đến tiếp viện, Lý-Tài trông thấy cờ xí, tưởng là binh Đông-son (Nhà viết sách chưa rằng: Tức là binh của Đổ Thành-Nhon, Đổ Thanh Nhon vốn có hiềm-khích với Lý-Tài) đến đánh úp mình, bèn triệt binh kéo về; quân giặc thừa thế đuổi theo, quân Lý-Tài tán loạn chạy ra Tam-Phụ (ba gò), bị binh Đông-son giết sạch). Thuộc về tình hình tan vỡ của quân Hòa nghĩa, Thông-chí, Sơn-xuyên-chí, mục Định-tướng-trần cũng chép rằng: . Tháng 3 năm đinh-dậu (1777), giặc Tây-son Nguyễn-văn Bình, Nguyễn-văn Huệ kéo quân thủy bộ vào đánh cướp, Triều-binh cùng quân Hòa nghĩa hợp sức chống cự; thủy quân giặc đòi trận ở sông Bền-Nghé, hai bên vẫn đương giảng-co nhau; bộ-binh giặc từ Trần-biên do đường thượng kéo xuống Hóc-môn, bị quân Hòa nghĩa Hồ-tướng đón đánh, giết ngụy-tướng Tuấn-sát Tuyên, quân giặc rút lui về Bền-Than. Xảy lúc ấy Triều-binh Chương-cơ Văn-đức-hầu Trương-phúc-Thận từ Cán-Vọt kéo quân lên tiếp viện Sài-gòn, quân Hòa nghĩa tướng lăm quân thù Đông-son đánh tập hậu, bèn bỏ Hóc-môn lui về giữ Bền-Nghé. Nhon vậy Tây-son thừa thế đuổi theo, thủy bộ giáp công, quân Hòa nghĩa tan vỡ thua chạy. Lý-Trương-quân và quân người Tàu chạy đến đâu đều bị quân Đông-son đón bắt giết hết. Duệ-tôn Hiều-tĩnh Hoàng-đề xa-giá chạy xuống Long-xuyên, Mục-vương chạy ra Ba-Việt, đều bị giặc vây bắt đem về Bền-Nghé giết chết).

Về tình-thê Nam-kỳ sau ngày quân Hòa nghĩa của Lý-Tài tan vỡ, Thực-lục Tiến-biên (quyển 12), mục đinh-dậu năm thứ 12 (1777) chép rằng: . Mùa hạ tháng tư, vua (tức Duệ-tông) xuống Cán-Thor, cùng quân của Mạc Thiên-Tứ hội-hợp... Binh giặc đánh Bền-Tranh, Tân-chính-vương lui giữ Bền-Trà (thuộc Định-tướng), Chương-cơ Thiêm-Lộc suất thủy-binh rước đến Ba-Việt (thuộc Vinh-Long). Vua khiến Tông-Phước-Hữu giữ Mỹ-Luong (thuộc Vinh-Long), Thiêm-Lộc giữ Hương-đôi (Thuộc Vinh-Long), Tông-phúc-Hòa quản lãnh các đạo quân, giữ trận để ngăn giặc... Mùa thu tháng 7, binh giặc phạm Ba-Việt, Thiêu-phó Tôn-thất-Chí, Nội-tá Nguyễn-Mẫn, Chương-cơ Tông-phước-Hữu đều bị binh chết; một mình Chương-cơ Tông-Phước-Hòa chống cự với giặc, đánh mấy trận đều thắng, quân giặc khiếp sợ. Tháng 8, Nguyễn văn Huệ kéo thêm quân đánh Hương Đổ, Tân-chính-Vương vì quân ít, lương thực hết, tỉnh chạy ra Bình-thuận hội hợp với binh của Chu-văn-Tiếp; nhưng lại không đi, các tướng đều tan chạy;

Chương-cơ Tông-phước-Hòa than rằng: . Chúa lo thi tôi phải thác, nghĩa chẳng khá tránh, bèn chịu tử nạn. Ngày 18 tháng 10, tân-hội năm thứ 7 (tức 19 tháng 9 năm 1777 dương lịch), Tân-chính-vương ngộ hại (nguyên chủ: Gia-long năm thứ 8, truy tặng Mục-vương, thờ chung ở nhà thờ Tuyên-vương). Các quan theo hầu 18 người đều bị giặc giết. Vua chạy xuống Long-xuyên, tháng 9, Nguyễn văn Huệ khiến tặc-tướng Chương-cơ Thành đánh vào Long-xuyên. Canh-thìn (tức dương-lịch, 18-10-1777), vua băng, Tôn-thất-Đổng cũng tử nạn theo vua. Cha con Chương-cơ Trương-phước Thận và Lưu thư Lượng (khuyết họ), Tham mưu Nguyễn-danh Khoảng cũng đều tử tiết. Do theo đoạn văn vừa dẫn ra trên đây, thì việc hiềm khích giữa Lý-Tài Hòa-nghĩa-quân với Đổ-Thành-Nhon Đông-son-binh, chẳng những hy-sinh không biết bao nhiêu-sinh-mạng của người Tàu, mà cũng là một nguyên-nhơn chủ-yếu làm cho thế-lực Chúa Nguyễn ở Nam-kỳ bị nghiêng đổ; thực là một việc rất đáng tiếc trên lịch-sử cận-đại Việt-Nam.

Tên Nữ-tàng-son thầy chép ở mục . Sơn-xuyên . tỉnh Biên-hòa trong Đại-nam-nhật-thông-chí. Văn chép rằng: . núi ở phía đông-nam huyện Long-thành 42 dặm, tục gọi Núi Bà Vãi; đất đá lởm chởm, cây cối xum xuê; từ Gia-định trông lên, thấy một ngọn núi xanh cao vót; sơn-lợi rất nhiều, dân trong xứ phẩn nhiều vào đó chặt cây đốn củi. Ngày xưa có Bà Vãi họ Lê làm chùa tu ở trên núi, nhưn đó người ta gọi núi Bà Vãi.

(34) Đại-nam Nhật-thông-chí, mục Biên-hòa tỉnh hình-thê chép rằng: . Các chợ Phước-chánh, Bình-an, Nghĩa-an, Long-thành, dân Tàu dân Thổ tập họp, phố xá đông đúc, hàng nam, hàng tàu, thứ gì cũng có, đều là những nơi đô-hội trong tỉnh hạt .

(35) Tức việc xảy ra trong năm giáp-dần, Thái-tông năm thứ 36 (1674). Xem chú-thích số 31.

(36) Cứ theo Sơn-xuyên-chí, mục Biên-hòa-trần thiết-khâu chép, thì ở phía bắc sông Phước-long có mỏ sắt, tên gọi Gò-Sát. Văn chép rằng: . Tục danh núi Lò-Thôi, cách phía đông trấn 19 dặm. Bọn thợ sắt hội họp, mở lò rèn nàu, nạp thuê bằng sắt; nghề khai mỏ rất thịnh vượng. Gia-long tân-mùi năm thứ 10 (1811), người Phước-kiến Lý-Tài-Tú và Lâm-Húc-Tam trưng thầu nạp thuê; bọn ấy biết cách chế luyện được nhiều sắt tốt, và rèn đồ bán được nhiều lợi; nhưn trở nên giàu có, đem của về Tàu.

(37) Thuộc về sự-tích Nguyễn-phước-Lễ (Thực-lục Tiến-biên chép làm Nguyễn-hữu-Cảnh), xin xem chú-thích số 7 và mục . Lê-công-từ . ở đoạn sau. Về việc Ông mắt và người sau lập nhà thờ phụng tự, Thực-lục Tiến-biên (quyển 7), mục tháng 5 năm canh-thìn thứ 9 (1700) chép rằng: (Thông-suất Chương-cơ Nguyễn-hữu-Cảnh mắt. Trước đây Nguyễn-hữu-Cảnh đóng binh ở Lao-đồi, gặp lúc mưa gió lớn, núi Lao-đồi lở có tiếng như sấm. Đêm ấy Hữu-Cảnh nằm chiêm bao thấy một người mặt đỏ mày trắng, tay cầm búa giáo bảo rằng: . Tướng quân nên sớm kéo quân về, lưu ở đây lâu sẽ bắt lợi . Hữu-Cảnh cười rằng: . mạng ở trời, há ở chỗ đất này ư? . Lúc tỉnh dậy, thấy trong mình mệt mỏi, ông cũng gượng cười nói tươi tỉnh, cho lòng quân được an. Kịp đến lúc bệnh nặng, bèn than rằng: . Ta cũng muốn gắng hết sức báo đền nợ nước, nhưng số trời có

hạ hán, sức người cưỡng lại được thay? Ông bèn kéo quân về đền Sâm-khê (thuộc tỉnh Định-tường) thì mất, lúc ấy mới 51 tuổi. Vua nghe tin, rất lấy làm thương tiếc, tặng Hiệp-tán Công-thần, đặc tiến chức Chương-dinh, tặng thụy-hiệu Trung-cán, cấp vàng lụa làm lễ táng rất hậu. Sau rất nổi tiếng hiển-linh, người Chon-lạp lập đền phụng-tự.

Đại-phò châu, xem mục Đại-phò Đông-Nai ở đoạn trên và chú-thích số 44. Cự-tích-thạch cũng gọi là Rạch-Đá, ở giữa dòng Phước-giang, phía nam Đại-phò châu, cách chừng 4 dặm; lớn chồm giữa sông như đá Rạn, từng hòn lớn nhỏ, nước chảy mạnh như thác đổ, ba đảo hùng dũng, thuyền đi qua phải cẩn-thận... Phía bắc Rạn-đá này là một vực sâu, rất tiện cho tàu bè các nước đình đậu (Son-xuyên-chí, Biên-hòa-trần, mục Cự-tích-thạch).

(38) Đoạn văn này chỉ có Thành-trì Chí chép, thực là một tài-liệu rất quý cho sự nghiên-cứu Hoa-Kiều sử ở Nam-kỳ. Trong bài chép Ông nội tôi tức Trịnh Hội; đoạn dưới, mục Đông-Nai Đại-phò-châu lại xưng Ông nội tôi Su-Không; tức thị Su-Không là biệt hiệu của Trịnh-Hội. Cũng trong đoạn-văn ấy chép Ông Thân tôi có lẽ chỉ Trịnh-Khánh mà nói. Nay xét bộ-thuộc Trần-Thượng xuyên vào ở Đại-phò-châu Biên-hòa, vào khoảng Thái-tông át mùi năm thứ 31 (1679) (Thực-lục Tiên-biên quyển 5, mục Cương-vực chí Biên-hòa Trần), mà Quan-đề Miêu kiến-thiết tại Đại-phò-châu thuộc vào năm giáp tý, Chánh-hòa năm thứ 5 (1684), diều ấy cho chúng ta suy tưởng Trịnh-Hội cũng là một người Minh cùng theo Trần-thượng-xuyên qua Việt-Nam. Cái tên Quan-đề-miêu Đại-nam Nhật-thông-chí, Biên-hòa-trần, mục Cương-vực-chí chép làm Quan-công-từ. Trong bài không chép việc Trịnh-thị tu-bổ miếu-vũ, chỉ chép sơ-lược rằng: Trãi qua loạn Tây-sơn, hai nhà thờ (chỉ hai nhà Hội-quán Phước-châu, Quảng-đông) bị phê hủy, chỉ có nhà miếu ấy đương còn; người Tàu, người Minh-hương trong trần-hạt, hằng ngày hương khói, miếu-mạo như xưa).

(39) — Đại-nam Nhật-thông-chí, mục Biên-hòa-tỉnh từ-miêu chép rằng: Long-vương-từ ở bờ phía nam sông Phước-long, thuộc làng Long-sơn, huyện Long-thành, thờ Long-vương, Chàng Cà, chàng Hai, chàng Ba. (đoạn sau lược)

(40) — Đại-nam Nhật-thông-chí, mục Biên-hòa-tỉnh, Từ-miêu chép rằng: Diên-công-từ ở địa-phận xã Hắc-lăng, huyện Phước-an.

(41) — Đại-nam Nhật-thông-chí, mục Biên-hòa-tỉnh Từ-miêu chép rằng: Giáp-công-từ ở địa-phận xã Phước-trình, huyện Phước-an.

(42) — Đại-nam Nhật-thông-chí, Gia-dịnh-tỉnh Từ-miêu, mục Ngũ-công từ chép rằng: Đến thờ Năm Ông ở giang-phận làng Lộc-an, huyện Tân-ninh, giữa dòng sông dựng đứng 5 hòn đá lớn; chất đá rần-rời, dòng nước chảy rất mạnh, bọt nước phun tung tóe, có tiếng ầm ầm. Người xưa dựng nhà thờ tại chỗ thờ Năm Ông: 1) Trà-Mã Quận-Công, 2) Trà-Môn Quận-Công, 3) Trà-Nông Quận-công, 4) Trà-Thiệt Quận-công, 5) Trà-Khuông Quận-công; có lễ đều-xưng hô theo tiếng Thờ, không biết phong thần-hiệu từ đời nào. (Bút-giả xét: Người Cao-Miên lấy tiếng Trà gọi Thần; Đại-nam Nhật-thông-chí, Biên-hòa-tỉnh Sơn-Xuyên, mục Trà-Mô-liên-sơn chép rằng: Người Thờ gọi Trà cũng như người Hán gọi Thần. . . Trưng-truyền đá Năm Ông nguyên trước

ở sông làng Đôn-thuận (nay thuộc Bền Cùi, quận Trần-bàn), thuê xưa có thuyền khách-trú đi qua mắc vào trong đá, không di-động được, bèn lấy búa đập đá để cho thuyền đi; bỗng người Khách ngã ra chết, thuyền cũng chìm luôn. Năm Ông đem nhau từ dưới dòng hạ-lưu ngược lên đứng ở dòng sông thuộc làng Lộc-an. Nay thuyền bè đi ngang phải kính cẩn hết sức, phải chèo xa do bờ bên kia mà đi; hết sức phải tránh, không dám đèn gán, sợ rui ro làm lỗi. Mỗi lúc có cầu cúng, lập tức thầy linh ứng.

(43) — Nguyễn-Vân, Thực-lục Tiên-biên chép làm Nguyễn-Cửu-Vân. Văn-truyền Đạo-nhơn là đạo-hiệu vua Túc-tông. Thực-lục Tiên-biên (quyển 9), mục tháng 8 mùa thu năm Giáp-Dần thứ 9 chép rằng: Ban cho tâm-biên-ngạch Hộ-quốc-tự, chùa ở phía nam Phước-giang, lúc Thông-suất Nguyễn-Cửu-Vân đi đánh Chon-lạp lập cảnh chùa ấy, vua nhớ công Cửu-Vân, nhơn đặt tên chùa làm Hộ-quốc-tự, chính tay vua viết biên-ngạch ban cho, thời ấy gọi Sắc-tứ Tự. Tên Sắc-tứ-tự, Đại-nam Nhật-thông-chí, ở mục Biên-hòa-tỉnh Từ-miêu, chép làm Hộ-quốc-tự, và chép vị-trí chùa ở bờ phía nam sông Phước-long, thuộc địa-phận làng Đắc-phước, huyện Phước-chánh.

(44) — Đầu dưới việc Trần-Thượng-Xuyên vào cư trú Biên-hòa, xin xem chú-thích số 21, 49.

Việc Thê-tông ra lệnh đổi phục sắc, xảy ra vào năm thứ 6 (1744), Giáp-Tý. Nay xét Nhà Nguyễn từ sơ-dại Thái-tổ (Nguyễn-Hoàng, lại xưng Tiên-chúa, 1558-1613) vào trần Thuận-hóa, xưng Tông-trần Tướng-quân; đến đệ-lục-dại Hiến-tông (Nguyễn-phúc-Điêu, lại xưng Minh-vương, 1691-1725) kế nghiệp (1692) mới xưng Quốc-chúa; và đến đệ-bát-dại Thê-Tông giáp-tý năm thứ 6 (1744), ngày 12 tháng 4 mới tức Vương-vị, xưng Vương công-khai; nhưng vẫn vẫn theo chính-sắc nhà Lê, chưa đặt niên hiệu và quốc-hiệu. Thê-tông lúc đã xưng vương, mới thay đổi chế-độ, ra sức chỉnh đốn phong tục, Thực-lục Tiên-biên (quyển 10), mục năm ấy (1744) chép rằng: Vua nghĩ sầm-văn có câu: Bát thể hoàn trung-đô. (Đời thứ 8 sẽ về Trung-đô), bèn thay đổi y phục, cải-cách phong tục, cùng dân đổi mới. Tham chức chế-độ các triều-dại, định triều-phục quan văn quan võ; văn từ Quân-bộ đến Chiêm-hậu Huân-đạo, võ từ Chương-dinh đến Cai-đội, mào đầu trang sức vàng bạc, áo mũng măng bào và số đoạn tùy theo cấp bậc, từ ấy văn vật rực rỡ đổi mới.

Ông bà ngoại của Trịnh-hoài-Đức tục danh Ông Nai và Bà Nghi. Cứ theo Đại-nam Nhật-thông-chí chép, thì tại tỉnh Gia-dịnh, huyện Bình-dương còn có hai nơi kỷ-niệm Bà-Nghi. Một nơi gọi Chợ Bà Nghi (thầy chép ở mục Gia-dịnh tỉnh Thị-điền) và một nơi Cầu Bà Nghi (chép ở mục Tân-lương). Văn chép như sau: Cầu ở huyện Bình-dương, dài 9 thước (Trượng?); trưng truyền Thị-Nghi là con gái của Thông-suất Nguyễn-Cửu-Vân, bà khai khẩn ruộng đất, làm cầu công cho khách bộ hành qua lại, nhơn mới đặt tên cầu Bà Nghi; Minh-Mạng năm thứ 17 (1836) có sửa mới lại. Trong đoạn văn này nói Trưng-truyền Thị-Nghi con gái của Thông-suất Nguyễn-Cửu-Vân e lăm. Cho rằng: Vương-thị-Nghi là Bà ngoại của Trịnh-hoài-Đức hợp lý hơn.



khắc phục Sài-gòn, đón Duệ-tông về tròn. Lúc ấy Tông-Phước-Hợp cũng tự Binh-Khương đem quân về đến Trần-biên-dinh, cùng với Lý-Tài vào yết-kiến Duệ-tông; chẳng ngờ tháng 6 năm ấy Tông-Phước-Hợp chết, Lý-Tài mất người nương cậy, bèn đem quân về chiếm cứ núi Chiêu-thái (ở Biên-hòa). Tháng 10 năm ấy (1776), Đông-cung Dương từ Quy-nhon lên vào Sài-gòn, ra sức khuyến Duệ-tông sai người qua dụ Lý-Tài. Về diễn biến của sự-sự đoạn này, Thực-lục Tiên-biên (quyển 12), mục Duệ-Tông binh-thân, tháng 10 năm thứ 11 chép rằng: Đông-cung xin với vua, sai Tham-muru Nguyễn-danh-Khoảng qua dụ Lý-Tài; Lý-Tài lấy làm ngờ-ực, lưu Danh-Khoảng ở lại trong quân, đem quân bán-bộ thẳng xuống Sài-gòn; Binh Thanh-Nhon trông thấy, bỏ chạy, vua khiển xa giá tạm lánh; Lý-Tài chia binh làm 4 đạo, đánh trông đầu tiên. Đông-cung khiến người giàu cớ cho Lý-Tài biết, cớ để 6 chữ: Đông-cung phụng mạng chiêu an, quân Lý-Tài trông thấy, đều xếp giáp sắp hàng lạy, tiếng reo mừng như sấm; bèn đón Đông-cung qua Thủ-Dầu-Một ở mây ngày... (trước bỏ một đoạn giữa)... Tháng 11 ngày Kỷ-tỵ, Lý-Tài phụng Đông-cung về Sài-gòn, khiến Trương-Phước-Thận cầu xin ngự-giá viếng chùa Kim-chương (ở ngoài thành Gia-dịnh); Lý-Tài phụng Đông-cung đến Hành-tại lạy mừng. Ngày Nhâm-thân (Dương lịch 4-12-1776), vua đại hội văn võ truyền ngôi cho Đông-cung. Vì sự thể giao bức nên Đông-cung phải vưng mạng, xưng Tân-chính-vương, tôn vua làm Thái-Thượng-vương, và thăng Tôn-thất-Chỉ làm Thái-phó, Lý-Tài làm Bảo-giá Đại-tướng-quân, các người khác đều được thăng thưởng theo cấp bậc. Việc Lý-Tài phò lập Đông-cung Dương cũng thấy chép ở Thông-chí, Sơn-xuyên-chí, mục Định-tướng-trần. Tân-chính-vương đã kể vị, thời ấy thực quyền ở Nam-kỳ hiển-nhiên ở trong tay Lý-Tài; nhưng thời-kỳ Lý-Tài chuyên-chê chỉ trong vòng nửa năm, qua năm sau, tháng 2 năm Đinh-dậu thứ 12 (1777), Tây-sơn Nguyễn-văn-Huệ lại vào đánh Nam-kỳ lần thứ hai, quân Nghĩa-hòa của Lý-Tài bèn bị tiêu diệt. Công-việc tường thuật ở chú-thích số 33.

Núi Chiêu-thái, Đại-nam nhất-thông-chí, mục Biên-hòa-tỉnh-sơn-xuyên, Chiêu-thái-sơn, chép rằng: Ở phía nam huyện Phước-chính 21 dặm, từng núi chập-ngất, làm bình-phong phía nam cho tỉnh-thành (tức Biên-hòa); lối lổm quanh co, chạy dài đến Không-tước-quan thì hết; trung-gian có thôn Long-sơn ở huyện Long-thành nằm về phía bắc, một gò bằng-phẳng, núi dựng đứng như bức tường, có Văn-tĩnh-am là nơi tĩnh-tu của Bà Vãi Lỵ, nên cũ còn ở chân núi. Phía bắc một cánh núi chạy đến địa-phận phường Long-tuy, một gò cao nổi lên, bằng-phẳng quang đảng, có khe suối chảy vòng quanh, dân làng làm nhà xúm-xít ở quanh gò vậy. Trên gò có chùa Hội-sơn, nơi chủ-trì của Long-thiến-sư. Năm binh-thân (1776) Hòa-Nghĩa-đạo Lý-Tài chiếm cứ núi Chiêu-thái, tức núi ấy.

(49) — Bọn Dương-Ngạn-Địch, Trần-Thượng-Xuyên vào cư trú Nam-kỳ là một tập-đoàn di-dân rất lớn lao của người Trung-hoa cận-đại; sự-kiện ấy đời với Cận-đại-sử Việt-nam và Hoa-kiểu-sử đều có ý-nghĩa trọng-đại. Thuộc về đầu đuôi câu chuyện bọn ấy đời qua nam, Thông-chí Cương-ực-chí chép như sau: Thái-tông kỷ-mùi năm thứ 32 (1679), mùa hạ tháng 4, Đại-Minh-quốc, Quảng-dông-tỉnh, Trần-thủ Long-môn thủy-lục-dăng-xứ địa-phương Tổng-binh quan Dương-Ngạn-Địch, Phó-tướng Hoàng-Tiền, Trần-thủ Cao-Lôi-

Liêm-dăng-xứ địa-phương Tổng-binh-quan Trần-Thắng-Tài (Lời chú-thích của Bút-giả: Thực-lục chép làm Trần-Thượng-Xuyên, ông được thăng phong-trước làm Thắng-Tài-Hầu), Phó-tướng Trần-An-Bình, suất lĩnh binh-biến quyền thuộc hơn 3.000 người, chiến-thuyền hơn 50 chiếc, chạy vào hai cửa biển Đà-nẵng (tức cửa Hàn, Quảng-nam), Tư-dung ở kinh-đô, tàu xung rằng: Chúng tôi là tôi lưu-vong của nhà Đại-Minh, vì nước thể hết lòng trung; nay lực kiệt thể cùng, quốc-tộ nhà Minh đã chằm dứt, chúng tôi chẳng chịu làm tôi thờ nhà Thanh, nên chạy đến quý-quốc, thành tâm xin làm tôi-tớ. Thời ấy Bắc-hà thường dòm-giỡ, mà đội binh ấy lại từ phương xa, thực hư chưa rõ; vả lại ngôn ngữ bất đồng, khó bề sai khiến; nhưng nghĩ bọn chúng bị thể khản-bức, chạy đến nhờ mình; lòng trung-tiết, ý chơn thành, theo nghĩa chúng ta không nên từ chối. Hiện nay địa-phương Đông-Phổ nước Cao-miên, đất đai màu mỡ suốt nghìn dặm, Triều-đình chưa có thì giờ rảnh để kinh-lý; chỉ bằng cho chúng vào đó cư-trú, cấy sức của chúng để mở mang đất đai; thế là làm một việc mà được ba điều lợi vậy. Bèn khiến người đại-đẳng bọn chúng, yên vỗ ban khen; cho chúng lãnh y chức hàm cũ, phong thêm quan-tước mới, khiến vào Đông-nai cư-trú, để ra sức mở mang đất ruộng. Mặt khác hiệu dụ cho nước Cao-miên biết. Bọn Dương, Trần ra cửa khuyết tạ ơn, vưng theo chí-dự tiên hành. Binh thuyền bọn Trương Long-môn, họ Dương, chạy về Soi-Lạp, theo Cửa-Đại, cửa Tiểu, vào định-cư tại xứ Mỹ-tho; binh thuyền bọn họ Trần, tướng Cao-Lôi-Liêm, chạy vào cửa biển Cán-giờ, lên định-cư tại Bàn-lân xứ Đông-nai (nguyên-chủ: nay là trần-ly Biên-hòa). Bọn chúng mở rộng phá rừng, cắt phò lập chợ; buôn bán giao thông, thương-thuyền các xứ Trung-hoa, Tây-dương, Nhật-bản, Đổ-Bà qua lại tấp-nập; Hoa-phong Trung-quốc bắt đầu nhuần thấm đất Đông-Phổ vậy. Các sách Thực-lục Tiên-biên (quyển 5), Lịch-Triều Tập-ký (quyển 1), và Vũ-biên Tập-lục (quyển 1) của Việt-nam, đều có chép việc này, đại lược cũng giống nhau, và tất cả đều chép thời-kỳ bọn Dương, Trần qua nam là vào năm ất-mùi (1679). Mặt khác cứ theo các sách Trung Nhật như Thanh-Thánh-tô-Thực-lục, Quảng-dông Thông-chí, Quảng-dông hải-phòng-vựng-lâm, Quỳnh-châu-phủ-chí, Liêm-châu-phủ-chí, Thanh-đại-quan-thư-ký, Minh-Đài-loan-Trịnh-thị-vong-sự và Hoa-Di-biên-thái, đã ghi chép, thì Dương-Ngạn-Địch tức tướng cướp biển Dương-Nhị khét tiếng hồi Thanh-sơ; y từng vùng vẫy ở miền nam Trung-quốc-hải, một mặt để bảo-hộ các thương-thuyền của họ Trịnh ở Đài-loan phải đi mua bán Nam-dương các xứ, một mặt khác ra sức hoạt-động miền duyên-hải bờ phủ Cao, Lôi, Liêm, Quỳnh, để hưởng-ứng các hành-động quân-sự của Ngô-Tam-Quê ở Lương-Quảng. Sau khi Trịnh-Kinh chết, oai quyền họ Trịnh nghiêng đổ, Dương-Ngạn-Địch và cả thuyền-đội bèn đem nhau dời qua Việt-nam nương nhờ Nguyễn-Thái-Tông để tránh sự ruộng bắt của quân-đội nhà Thanh. Về đầu đuôi việc di-cư qua nam này, sẽ bàn rõ trong một bài khác.

(50) — Phong-tục-chí, mục Định-tướng-trần chép rằng: Phong-tục xứ Mỹ-tho cũng giống với trần Phiến-an; huyện Kiên-dăng thì chuyên việc ruộng vườn, trung đũng thực thà, chẳng hiềm chi người, mà trợn cướp tiếm tàng, thường cũng không ít; huyện Kiên-hưng nửa diên nửa thổ, chuyên lo nghề nghiệp nông tang, nhiều người dùng cầm tiết nghĩa; huyện Kiên-hòa đất ruộng phì nhiêu, cò bay thẳng cánh, dân phần đông là những tay lực điền, nhà nào cũng

dinh dư súc tích, phong tục cần kiệm trung hậu, ưa làm việc nghĩa, còn nhiều thói tốt cổ truyền .

(51) — Những nơi có liên quan với Hoa-kiêu trong hạt Định-tường-trần, còn có sông Hưng-hòa và sông Bát-Huyền; nay phụ chép ra sau đây: Sơn-xuyên-chí, Định-tường-trần mục Hưng-hòa-giang chép rằng: . Sông Hưng-hòa tục danh Vụng Cù, ở phía đông cửa sông Bão-định, cách phía đông Trần 47 dặm rưỡi, thông với Sóc Cao-miền; người Tàu, người Việt, người Cao-miền ở lẫn với nhau; thuộc địa giới trấn Phiên-an, nhưng đồn-thủ lệ-thuộc Tuyên-uy-đạo, trong quân-hạt Định-tường-trần, để kiểm-soát những hàng-hóa cầm chớ vào Cao-miền . Mục Bát-Huyền-giang chép rằng: . Sông Bát-Huyền ở thượng-lưu sông Hưng-hòa, giới hạn cực-bắc của trấn, bờ phía tây có đồn Tuyên-uy-đạo đóng giữ; trước đạo dưới phía nam 37 dặm đến đồn cũ Phong-Ga-miền, tức giới-hạn cuối hạ-lưu sông Bát-Huyền; trước mặt đạo nửa dặm, người Tàu, người Việt, người Miên ở xen lẫn mua bán với nhau. Nguồn lợi sơn lâm, hóa vật thổ-sản rất phong phú; có số Tuấn-ty để thầu thuê, thuê thầu một phần mười (1/10).

(52) — Phong-tục-chí, mục Ngũ-trần, Vinh-thanh-trần chép rằng: . Chi hải xứ Long-hồ, Sa-đéc, phong-tục giống trấn Phiên-an; dân trong xứ quen qua lại mua bán với người Cao-miền, nên phần đông nói thạo tiếng Miên, ấy là một đặc điểm. Ngoài ra, dân chuộng thực thà, chăm việc vườn ruộng, làm ăn giàu có dinh dư; địa thế rộng, sông ngòi chằng chịt, phải dùng thuyền bè để giao thông, cho nên người nào cũng lợi giời. Trong xứ rừng bụi sâm uất, nhà ở thưa thớt, yên hay có trộm cướp ... .

(53) — Châu-độc-đồn và Châu-giang-đồn ở đoạn sau, đều thầy chép trong Đại-nam nhất-thống-chí, mục An-giang-tỉnh Cổ-tích. Đồn Châu-độc ở phía đông sông Vinh-tề huyện Tây-xuyên, đồn Châu-giang ở huyện Đông-xuyên, thủ-sở cũ của Châu-độc.

(54) — Về đầu đuôi sự ngộ nạn của Mục-vương (tức Tân-chính-vương) và Tông-phước-Hòa, xem chú-thích số 33.

(55) — Lê-thành-hầu Nguyễn-Công tức Nguyễn-phước-Lê chép ở mục Biên-hòa-trần Lê-Công-từ ở bài trên; Thực-lục Tiên-biên chép làm Nguyễn-hữu-Cảnh; đầu đuôi sự tích và việc lập nhà thờ, xem chú-văn số 7 và số 39. Sự-tích Thăng-Tài-Hầu Trần-Thượng-Xuyên, xem chú-văn số 7, 21 và 49. Cứ theo mục ấy chép trong Thành-trị-chí, thì nhà thờ Trần-Thượng-Xuyên có 3 sở. 1) Ở Đại-châu Hậu-giang, trấn Vinh-thanh (tức Lê-công-từ). 2) Ở xã Tân-an trấn Phiên-an. 3) Ở thôn Tân-Lân trấn Biên-hòa. Nhưng Đại-nam nhất-thống-chí, mục Gia-định-tỉnh Từ-miêu chỉ chép một sở Trần-Tướng-quân-từ. Văn chép như sau: . Nhà thờ Trần-Tướng-quân ở địa-phận thôn Tông-chánh huyện Bình-duong. Tướng-quân họ Trần, tên Thượng-Xuyên, người Quảng-đông làm Tổng-binh-quan đời nhà Minh. Lúc quốc-tộ nhà Minh chăm dứt, chẳng nỡ làm tôi nhà Thanh, quy phụ Bần-Triều; đánh dẹp Cao-miền có công và sáng lập phố chợ Sài-gòn, chiêu tập thương-khách. Người sau tưởng nhớ công đức, lập nhà thờ phụng tự; khoảng năm Minh-Mạng, Thiệu-Trị đều phong tặng làm Thượng-đẳng-thần; đến nay dân làng phụng tự, hương khói chằng dứt .

(56) — Đại-nam nhất-thống-chí, mục Vinh-long-tỉnh Thị-diêm chép: Chợ Long-hồ ở làng Long-phụng, huyện Vinh-bình.

(57) — Chợ Sa-đéc cũng gọi là chợ Vinh-phước, ở phía đông phủ-trị huyện Vinh-an (Đại-nam nhất-thống-chí, mục An-giang-tỉnh thị-diêm). Sông Sa-đéc ở bờ phía nam Tiên-giang... cách phía tây trấn 56 dặm rưỡi; sông trong nước ngọt, vườn ruộng tốt tươi, nhân dân giàu có; Đông-khẩu-đạo đóng ở phía nam, phò xá giăng liến, thuyền bè tập nập, thực là một nơi đại-đô-hội trong trấn (Sơn-xuyên-chí, Vinh-thanh-trần, mục Sa-đéc-giang).

Thời ấy, trong quân-hạt trấn Vinh-thanh, thầy có đầu chân Hoa-kiêu, còn có mấy nơi sau đây; nay dẫn Sơn-xuyên-chí để bổ sung: Sông Trà-vinh, rộng 13 tầm, sâu 5 tầm, ở phía tây sông Cô-Huyền, có thủ-sở Triệu-quang-Phục, dân Mán dân Kê chợ ở lẫn với nhau, phố chợ liên-lạc, thuyền buôn tập-nập, một nơi đại-tàu-tập ở vùng biển, xưa thuộc đất Cao-miền; canh-tý năm thứ 3 (1780), có việc trưng phát ở đó. Sông Trà-ôn ở phía đông hạ-lưu Hậu-giang, rộng 14 tầm, sâu 7 thước, cách phía nam trấn 57 dặm, chợ phò đông đúc, một nơi hội-hợp của người Việt, người Tàu và người Cao-miền.

Sông Ba-thắc (tức Bassac) ở phía nam hạ-lưu Hậu-giang, cách phía nam trấn 117 dặm, rộng 30 tầm, sâu 7 thước, thủ-sở đạo Trần-di đóng ở đó; tại bờ phía bắc sông, có Cù lao Rổng án phía đông-nam, dài 26 dặm chạy ra đến cửa biển Ba-Thắc; từ cửa sông đi 60 dặm đến Bền Tàu, nơi các tàu biển Ngoại-Dương hay đến đậu, có phò xá đông đúc, người Việt, người Tàu người Cao-miền ở xen lẫn với nhau.

Cửa biển Ba-Lai ở cuối dòng Hậu-giang, từ tây-bắc ngược dòng lên 60 dặm đến đạo Trần-Di. Thảng bờ sông lùm bụi rậm rạp, có những gò đất, người Tàu, Cao-miền trồng thuốc, trồng dưa rau rất tốt.

Cửa biển Mỹ-thanh, rộng 10 dặm, nước lên sâu 12 thước, nước dòng sâu 4 thước; thủ-sở ở bờ phía tây, người Việt, người Tàu, người Cao-miền ở đông đúc, buôn bán phò xá, hoặc trồng dưa, trồng thuốc, phơi tôm khô v.v...

Núi Chân-Sum. — Ở địa-phận phủ Chân-sum Cao-miền, cách bờ tây-bắc sông Vinh-tề 10 dặm... Thổ-sản có giáng-hương, bạch-hương-mộc, sa-nhon, tiêu-mộc v.v..., dân Việt, dân Tàu ở đông đúc thành làng thành chợ, sinh lợi theo rừng núi sông ngòi.

(58) Mạc-Tông-công tức Tông-đức-hầu Mạc-Thiên-Tứ. Căn án, Túc-tổng át-mão năm thứ 10 (1735), thân-phụ của ông là Hà-tiên Tông-binh Mạc-Cửu qua đời, qua năm sau binh-thin năm thứ 11 (1736) Thiên-Tứ kế làm Hà-tiên-trần Đê-độc. Thực-lục Tiên-biên (quyển 9), mục tháng 2 năm ấy chép rằng: . Lấy Mạc-Thiên-Tứ làm Hà-tiên trấn Đê-độc, cho 3 chiếc thuyền Long-bài, tha khỏi đóng thuế, khiến chạy ra ngoại-duong tìm mua các thứ trân báu đem về nạp; lại khiến mở xưởng đúc tiền để thông việc mua bán. Thiên-Tứ chia đặt nha-thuộc, tổ chức quân-đội, đắp thành lũy, mở phò xá; thương khách các nước tập hợp đông đúc; ông lại với các người văn-học, mở Chiêu-anh-các, hằng ngày cùng nhau giảng luận xưởng họa, có làm Hà-tiên thập vịnh ; từ ấy Hà-tiên mới biết

học hành vậy. Những phò xá Hà tiên do Mạc-Thiên-Tử kiến-thiết, phần nhiều bị hoang phế sau ngày quân Kiên, Trịnh-Chiếu, đến xâm lấn và sau ngày đại-loạn Tây-sơn; đến Gia-Long năm thứ 10 (1811), Trương-phúc-Giáo và Bùi-văn-Minh nhiệm Hà-tiên Trần-thủ và Hiệp-trần, phò chợ Hà-tiên mới kiến-thiết lại. Cương-vực-chí, mục Hà-tiên-trần, tân-mùi tháng 8, Gia-long năm thứ 10 chép rằng: • Khâm-mạng Kiên-giang-đạo Cai-cơ Giáo-hóa-hầu Trương-phúc-Giáo, thăng làm Hà-tiên-trần Trần-thủ, Định-trường-trần Ký-lục Minh-đức hầu Bùi-văn-Minh được đổi làm Hà-tiên Hiệp-trần. Lúc ấy Minh-đức-hầu mới sửa sang quan-nha trại lính, chiêu-tập lưu dân và các người buôn-bán, mở trường-học, khẩn đất hoang, làm đường cắt chợ; chia ra cho ở thành từng xóm người Việt, người Tàu, người Cao-miền, người Đố-bà; làm việc quan theo lời khoan giản, chẳng phiền nhiễu dân, công việc trong trấn bắt đầu sắp đặt lại có thứ tự vậy. Cũng cứ theo sách trên, mục Gia-Long mậu dần năm thứ 17 (1818) đã chép, thì trong 52 xã thôn phò sóc thuộc trấn Hà-tiên, ngoại trừ 19 xã-thôn Việt-nam (trong ấy thầy có tên xã Minh-hương và Thuộc Minh-hương đảo Phú-quốc), 26 sóc Cao-miền (tiếng Cao-miền gọi Sóc cũng như tiếng xóm làng Việt-Nam) và 1 đội Đố-Bà, còn có tên 6 phò người Tàu như sau: Minh-Bột Đại-phò, Minh-bột Tân-phò, Minh-Bột Kỳ-thọ, phò Cây-Cò, Minh-Bột Lô-kê-sớ (xứ Rạch-Vược), Minh-bột Thổ-khâu-diêm (Gò Đắt) và Phú-quốc Đường-nhon-thuộc (Nguyễn trước thuộc quản-hạt đạo Long-xuyên, Gia-long năm 18 (1819), tháng 11, chưa thuộc trấn Hà-tiên).

**Bình-sơn.** — (Ở phía bắc huyện Hà-châu 1 dặm, chu vi núi chừng 2 dặm, cao hơn 5 trượng, mây nhõm núi đỏ lên, chạy dài ra đến biển, làm bình-phong phía sau tỉnh-ly, có một khe nước sâu chảy bọc quanh núi, do hướng nam chảy ra biển, phía bắc tiếp ngòi nước đường sau, liền với khe Bạch-tháp, chảy vào Đông-hồ làm hào lũy cho tỉnh-thành).

**Núi Tô-châu.** — (Ở phía đông huyện Hà-châu, châu về tỉnh-thành; non cao hất ngất, cây cối xanh um, dưới chân núi có bèn đò, thông qua tỉnh).

**Đông-hồ.** — (Ở huyện Hà-châu, phía đông tiếp hạ-lưu sông Vĩnh-tê; nước hồ trong veo, rộng 71 trượng, gọi là Hà-tiên cũng gọi là Đông-hồ, vì có hồ ở về phía đông huyện vậy. Giữa lòng hồ có cát, đông tây nước sâu trên dưới 5 trượng, thường thuyền hay tập họp mua bán ở đó).

**Đại-Kim-dự.** — (Ở bờ biển phía nam huyện Hà-châu, chu vi 193 trượng 5 thước, đứng ngăn sông lớn, như hòn ngọc-châu trấn biển; có bắc một cầu ván thông đường ra vào, phía sau có viện Quan-âm, nơi tu-hành của Tổng thị). (Xem Đại-nam-nhật-thông-chí, mục sơn-xuyên tỉnh Hà-tiên).

**Quan-công-diện.** — Đại-nam-nhật-thông-chí, mục Hà-tiên-tỉnh Từ-miêu chép rằng: • Miếu Quan-công ở địa-phận xã Mỹ-đức, huyện Hà-châu, nguyên người Minh-hương dựng thờ, sau nhơn quân Kiên đến đốt phá, Minh-Mạng năm 15 (1834), dân làng cắt tạm một sớ miếu tranh để phụng-tự, đến Thiệu-trị năm thứ 2 (1842) mới lợp ngói; nhơn dân cầu cúng rất linh-ứng. Sau đến thờ có 30 sớ, sâu rộng hơn một mẫu, có thể giúp cho việc tưới nước ruộng vườn.

**Mạc-Công-Từ.** — Cũng trong mục sách ấy chép rằng: • Đến thờ Mạc-công ở địa-phận xã Đông-mỹ huyện Hà-châu. Minh-mạng năm 15 (1834) cắt miếu lợp tranh, Tự-Đức năm thứ 3 (1850) mới lợp ngói.

Còn về phong-tục trấn Hà-tiên, Phong-tục-chí, mục Ngũ-tiên Hà-tiên-trần chép rằng: • Tập chuồng phong-tục Trung-hoa nhưng có ít thân-sĩ; người Mãn Kê-chợ ở lẫn với nhau, chuyên-việc mua bán, người Tàu, người Miên, người Đố-Bà đông hơn hết; địa lợi chưa mở mang, dân không ở nhất-định một nơi, hay dời đổi chỗ ở không thường; chỉ có 2 đạo Long-xuyên, Kiên-giang tuy ít nông-dân, nhưng dân biết chăm lo làm ăn, nên các nơi ở trong trấn, đều nhờ lúa gạo ở hai đạo ấy cung cấp. Tính người khinh-phù, ưa trau giới phong-nhã... Lược đoạn dưới...

(59) Thê-tông át-hội năm thứ 17 (1755), vua Cao-miền là Nặc-nguyên (Angk Sngoun) mất, người chú họ là Nặc-Nhuận (Angk Tong) quyền coi việc nước, và đến cầu Chúa Nguyễn phong tước; chưa được bao lâu, Nặc-Nhuận bị con rể là Nặc-Hình giết chết, con của Nặc-Nhuận là Nặc-Tông (Preah Outey) chạy xuống nương trấn Hà-tiên, nhờ Mạc-Thiên-Tử bảo hộ. Đinh-sử năm thứ 19 (1757) do Thiên-Tử tâu xin, Thê-tông sách phong Nặc-Tông làm Cao-miền quốc-vương và do quân chúa Nguyễn hộ tống về nước. Hai đạo Kiên-giang và Long-xuyên mà trấn Hà-tiên được thêm cũng thuộc về thời ấy. Thực-lục Tiền-biên (quyển 10), mục năm ấy chép rằng: • Rồi thì Nặc-Tông lại cắt đất năm phủ Vũng-Thơm, Cán-Bọt, Châm-Sum, Sài-mạt, Linh-quỳnh để tạ ơn Mạc-Thiên-Tử, Thiên-Tử dâng đất ấy cho Triều-đình; vua bèn khiến cho lệ thuộc trấn Hà-tiên quản-hạt. Thiên-Tử xin đặt Rạch-giá làm Kiên-giang-đạo, Ca-Mau làm Long-xuyên-đạo; đều đặt quan lại cai trị, chiêu-dân lập ấp, từ đó xứ Hà-tiên bờ cõi thêm rộng vậy). Gia-long năm thứ 7 (1808), tháng giêng, đổi hai đạo ra làm huyện; tiếp theo đó, Gia-long năm thứ 9 (1810), hai huyện đều thuộc về trấn Hà-tiên (xem chú-văn 1). Lại cứ theo Cương-vực-chí, mục Hà-tiên-trần đã chép, thì cuối đời Gia-Long, huyện Long-xuyên lãnh 2 tổng 40 xã thôn sóc thuộc; tức tổng Long-thủy lãnh 23 xã thôn sóc thuộc, (trong ấy có tên xã Minh-hương và Hòa-thạnh thuộc người Tàu), tổng Quảng-xuyên lãnh 9 thôn sóc. Huyện Kiên-giang lãnh 2 tổng 11 xã thôn, tức tổng Kiên-định 7 xã thôn và tổng Thanh-giang 4 xã-thôn.

(60) Kiến-thiết huyện Kiên-giang, xem chú-văn số 1 và số 59.

(61) Hà-tiên-trần Hiệp-trần Mạc-thị gia-phả chép rằng: • Nguyên sau ngày Thái-Công (tức Mạc-Cửu) di-cư đến Mãn-địa, Thái-Bà-Bà (tức sinh-mẫu của Mạc-Cửu, bà họ Thái) ngày đêm nhớ con quay quách, bèn từ Lôi-châu vượt biển qua tỉnh Hà-tiên; Thái-Công bèn lưu Bà ở lại để phụng-dưỡng; chẳng bao lâu, Bà-Bà vào đến Tam-Bửu lễ-bái, tự-nhiên ngói hóa (chết) trước bàn Phật. Thái-Công nhơn đức bửu-tượng của Bà-Bà, dựng bàn thờ ở chùa Tam-bửu, ngày nay di-tượng đương còn).